

Kinh tế vĩ mô năm 2023: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- + Kinh tế thế giới năm 2023 tiếp tục tăng trưởng mặc dù tốc độ phục hồi không được như kỳ vọng, tính bất ổn cao, các động lực tăng trưởng đang có xu hướng suy yếu, diễn biến kinh tế không đồng đều giữa các nước và khối nước;
- + Lạm phát toàn cầu có diễn biến giảm nhanh, giá cả hàng hóa có xu hướng hạ nhiệt, đặc biệt là giá năng lượng và thực phẩm;
- + Đồng đô la giảm sau 2 năm tăng liên tục; Nhiều đồng tiền chủ chốt đã tăng trở lại so với đồng USD, ngoại trừ đồng JPY và đồng CNY;
- + Giá vàng bứt phá mạnh mẽ, giá vàng giao ngay tăng hơn 13% so với cuối năm 2022;
- + Thị trường chứng khoán toàn cầu phục hồi mạnh, chỉ số MSCI ACWI đạt 727 điểm, tăng hơn 20% so với năm 2022.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- + Kinh tế Việt Nam năm 2023 tiếp tục tăng trưởng tích cực trong bối cảnh trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, GDP cả năm đạt 5,05%;
- + Vốn đầu tư toàn xã hội tăng trưởng tốt; Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đã tăng so với năm ngoái;
- + Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,6% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,1%;
- + Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giảm so với năm trước, trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm 4,4% và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa giảm 8,9%; Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD;
- + Chỉ số giá tiêu dùng đạt mục tiêu Quốc hội đề ra ở mức 3,25%;
- + Lãi suất huy động và lãi suất liên ngân hàng có diễn biến giảm mạnh so với cuối năm 2022;
- + Tỷ giá tiếp tục tăng so với cuối năm 2022; Giá vàng trong nước tăng năm thứ 2 liên tiếp;
- + Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng điểm, chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022.

I. KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

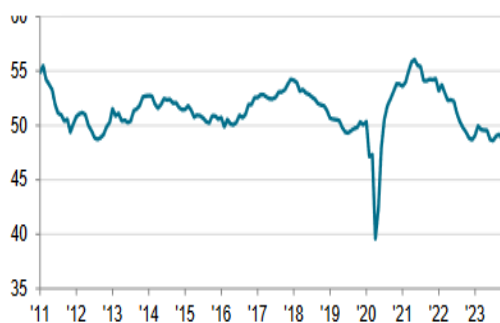
Kinh tế thế giới năm 2023 tiếp tục tăng trưởng mặc dù tốc độ phục hồi không được như kỳ vọng, tính bất ổn cao, các động lực tăng trưởng đang có xu hướng suy yếu, diễn biến kinh tế không đồng đều giữa các nước và khối nước. Nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế toàn cầu tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn mới và cũ đan xen, ảnh hưởng bất lợi đến khả năng tăng tốc của các nền kinh tế, gia tăng rủi ro bất ổn, các diễn biến kinh tế trở nên phức tạp và khó lường. Trong đó nổi bật là những tác động từ cuộc chiến kéo dài giữa Nga – Ukraine, xung đột chính trị leo thang bắt đầu xuất hiện trong quý III tại dải Gaza, nhu cầu suy yếu trên diện rộng, dòng chảy thương mại tiếp tục giảm, lạm phát đã hạ nhiệt nhưng còn ở mức cao, các điều kiện tài chính tiếp tục thắt chặt, bất ổn khu vực ngân hàng tại Mỹ và khu vực Châu Âu,...

Kinh tế toàn cầu khá ảm đạm trong quý I, các dự báo tăng trưởng chỉ có tín hiệu tích cực hơn vào cuối quý II, được củng cố trong quý III và đang có tín hiệu chậm lại trong quý cuối cùng của năm. Năm 2023, trong số các nền kinh tế lớn, Mỹ là nền kinh tế có được sự phục hồi tốt sau đại dịch, trong khi đó, tình trạng đình trệ lại xuất hiện tại khu vực Châu Âu, đặc biệt là các quốc gia đầu tàu trong khu vực như Đức, Ý, Pháp. Kinh tế Trung Quốc mặc dù đã có tín hiệu ổn định hơn vào quý III nhưng nhìn chung diễn biến chậm chạp và thiếu ổn định từ khi nền kinh tế mở cửa trở lại, nhu cầu giảm mạnh và những bất ổn trong lĩnh vực bất động sản chưa được giải quyết. Tăng trưởng kinh tế của các nước lớn dự báo sẽ giao động trong khoảng 0,7% – 2% và tại các nền kinh tế khu vực Châu Á sẽ đạt khoảng 4%. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu theo dự báo mới nhất sẽ giao động trong khoảng 2,1% – 3%.

Tăng trưởng kinh tế và diễn biến chỉ số PMI toàn cầu



Diễn biến chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất (2011- 2023)



Kinh tế Mỹ phục hồi tốt hơn kỳ vọng

Kinh tế Mỹ không chỉ thoát khỏi dự báo về tình trạng suy thoái mà đã duy trì được đà tăng trưởng qua các quý, có tín hiệu bứt phá từ quý II, tăng khoảng 2,4% so với cùng kỳ năm trước – cao hơn mức tăng trưởng 2% của quý I cũng như mức dự báo được đưa ra trước đó là 1,8%. Và tăng tốc mạnh mẽ trong quý III, tăng lớn hơn gấp 2 lần so với tốc độ tăng trưởng trong quý II, đạt 4,9%. Ngoài thị trường nhà đất, lĩnh vực sản xuất, phần lớn nền kinh tế Mỹ đã vượt qua khó khăn, ghi nhận sự tăng tốc của các hoạt động đầu tư, hoạt động chi tiêu của

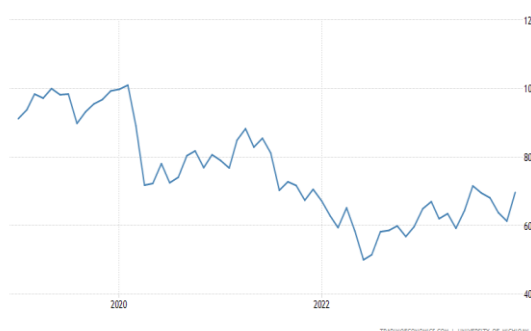
Chính phủ và tiêu dùng cá nhân.

Trong năm 2023, một trong những điểm sáng của kinh tế Mỹ là đà phục hồi của khu vực dịch vụ, các điều kiện hoạt động trong lĩnh vực này bứt phá lên ngưỡng mở rộng ngay từ đầu năm và duy trì cho đến hết năm. Theo đó, các cầu phân quan trọng như các hoạt động kinh doanh mới, nhu cầu, hàng tồn kho, việc làm phục hồi rõ nét. Tiếp đến là sự hồi phục của hoạt động tiêu dùng liên tục tăng so với cùng kỳ - chỉ số niềm tin người tiêu dùng trong tháng 12 đã đạt mức cao thứ hai kể từ đầu năm, những cải thiện rõ nét trên thị trường việc làm với tỷ lệ thất nghiệp về mức thấp, hiện đạt 3,7%. Đồng thời, lạm phát mặc dù có diễn biến chưa ổn định, nhưng đã dần hạ nhiệt, hiện ở mức 3,4%.

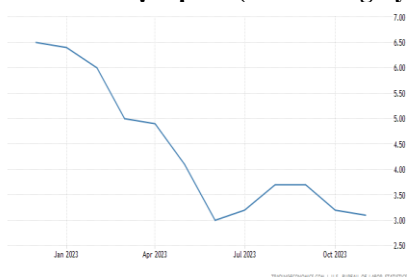
Tăng trưởng kinh tế theo quý



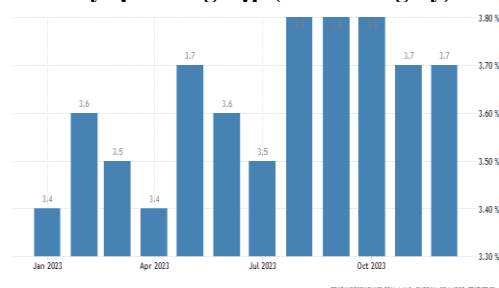
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading Economics

Kinh tế
Châu Âu
đã có tín
hiệu suy
giảm

Trong năm 2023, kinh tế trong khối các nước sử dụng đồng tiền chung Châu Âu vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi cú sốc gia tăng giá năng lượng, thêm vào đó các diễn biến kinh tế thay đổi trên toàn cầu đã ảnh hưởng nặng nề đến các nước sản xuất và xuất khẩu lớn trong khu vực. Sau khi có được mức tăng trưởng dương trong nửa đầu năm, kinh tế khu vực Châu Âu đã suy giảm trong quý III, GDP đạt -0,1%, ảnh hưởng mạnh bởi tình trạng nhu cầu suy yếu và hoạt động thương mại suy giảm. Trong đó, đáng chú ý là việc các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất liên tục bị thu hẹp kể từ đầu năm, diễn biến xấu nhất quý III. Đồng thời, lĩnh vực dịch vụ cũng đang có diễn biến tương tự mặc dù đã có được sự cải thiện liên tục trong 07 tháng. Bên cạnh đó, nhu cầu trong khu vực cũng có đến 07 tháng tăng trưởng âm, chỉ số niềm tin người tiêu dùng mặc dù có cải thiện qua các tháng nhưng cũng thiếu ổn định. Diễn biến kinh tế ảm đạm xuất hiện tại phần lớn các nền kinh tế lớn trong khu vực như Đức, Pháp, Hà Lan với mức giảm giao động từ 0,1% – 0,4%.

Mặc dù vậy, điểm sáng của kinh tế khu vực Châu Âu trong năm 2023 là tốc độ hạ nhiệt nhanh của lạm phát, lạm phát đã giảm liên tục qua các tháng, giảm mạnh trong quý cuối của năm, hiện lạm phát so với cùng kỳ ở mức 2,9%. Bên cạnh đó, thị trường việc làm cũng được cải thiện mạnh mẽ, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm từ 6,7% vào đầu năm xuống còn 6,4% như hiện nay.

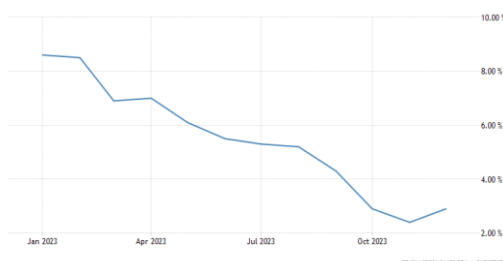
Tăng trưởng kinh tế theo quý



Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



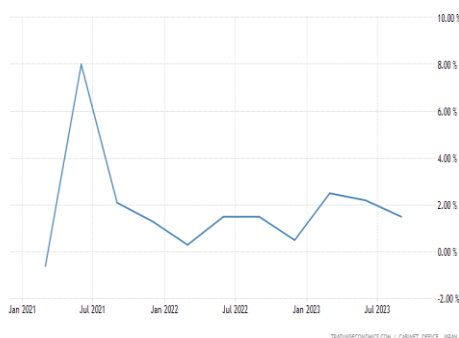
Nguồn: Trading economicsics

**Kinh tế
Nhật Bản
phục hồi
mong
manh**

Nền kinh tế Nhật Bản đã có được đà tăng trưởng liên tục từ quý IV/2022, kéo dài trong nửa đầu năm 2023, ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng lên đến 5% so với cùng kỳ trong quý I. Tuy nhiên, tín hiệu giảm tốc đã xuất hiện vào cuối quý II và nền kinh tế đã rơi vào trạng thái thu hẹp trong quý III. Số liệu mới nhất cho thấy GDP trong quý III so với cùng kỳ năm trước đã giảm 2,9% so với mức tăng đã được điều chỉnh của quý II là 3,6%. Tăng trưởng kinh tế hiện đang chịu tác động mạnh của lạm phát, nhu cầu suy yếu và tình trạng thâm hụt của cán cân thương mại. Tín hiệu kinh tế mạnh mẽ nhất trong năm 2023 đến từ khu vực dịch vụ khi nền kinh tế mở cửa trở lại với chủ trương phát triển mạnh mẽ các hoạt động du lịch, các điều kiện kinh doanh dịch vụ duy trì được xu hướng mở rộng trong cả năm, ghi nhận chuỗi cải thiện mạnh kéo dài cho đến tháng 8/2023. Trong khi đó, diễn biến thu hẹp đã xuất hiện trong khu vực sản xuất trong 11 tháng và đang có xu hướng suy giảm mạnh trong quý IV của năm. Bên cạnh đó, nhu cầu trong nền kinh tế cũng chưa có được sự ổn định, doanh thu bán lẻ ghi nhận 04 tháng tăng trưởng âm, mức tăng cao nhất theo tháng tập trung trong nửa đầu năm, cao nhất ở mức 2,2% so với tháng trước. Đồng thời, nền kinh tế cũng không được hỗ trợ từ hoạt động thương mại, cán cân thương mại gần như liên tục thâm hụt, ngoại trừ tháng 6, tháng 9/2023 và hiện cũng đang có xu hướng tăng, theo số liệu mới nhất, hoạt động xuất khẩu so với cùng kỳ đã có diễn biến sụt giảm sau đà tăng tốt trong 06 tháng đầu năm và hoạt động nhập khẩu đã giảm liên tục kể từ tháng 4.

Ngoài ra, lạm phát trong năm 2023 mặc dù chưa về được mức mục tiêu đề ra nhưng đã hạ nhiệt, hiện đang ở mức 2,8% thấp nhất kể từ đầu năm. Bên cạnh đó, thị trường lao động mặc dù có biến động trong năm 2023 nhưng về cơ bản đến cuối năm vẫn giữ được sự ổn định so với cuối năm ngoái, tỷ lệ thất nghiệp hiện đạt 2,5%.

Tăng trưởng kinh tế theo quý



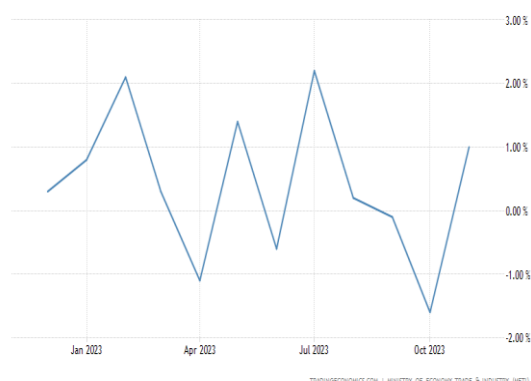
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)



Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Nguồn: Trading Economics

**Kinh tế
Trung Quốc
Quốc gia
lực phục
hồi**

Trong năm 2023, nền kinh tế lớn nhất khu vực Châu Á mặc dù đã có được mức tăng trưởng vượt kỳ vọng kể từ quý II nhưng đã phục hồi kinh tế vẫn còn nhiều quan ngại. Mở cửa trở lại sau 03 năm kiên trì với chính sách zero – covid với nhiều tác động đến các hoạt động kinh tế - xã hội, đồng thời, phải đối mặt với những vấn đề bất ổn mới của kinh tế thế giới, Chính phủ Trung Quốc đã nhanh chóng thực hiện các chính sách hỗ trợ nền kinh tế phục hồi, phát triển các động lực kinh tế mới, tuy nhiên các kết quả kinh tế đạt được vẫn chưa ổn định, mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 5,2% cho năm 2023 là một thách thức lớn. Đáng chú ý là diễn biến âm đảm của khu vực sản xuất, tình trạng yếu kém của khu vực thương mại và nhu cầu nội địa giảm sút. Cụ thể, các điều kiện kinh doanh trong khu vực sản xuất đã bị thu hẹp gần như liên tục kể từ tháng 4/2023, hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu theo số liệu mới nhất cũng đã giảm từ 5% – 6%, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng trưởng theo tháng ở mức thấp, thậm chí xu hướng suy giảm đã xuất hiện vào những tháng cuối năm. Ngoài ra, lạm phát tại Trung Quốc đã liên tục giảm kể từ tháng 4/2023 và đã ghi nhận khoảng 04 tháng giảm phát so với cùng kỳ.

Năm 2023, điểm sáng kinh tế của Trung Quốc là các hoạt động diễn ra ngoài khu

vực sản xuất, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ liên tục duy trì được ở ngưỡng mở rộng cho đến cuối năm, mặc dù sau mức cải thiện mạnh mẽ trong nửa đầu năm, các hoạt động trong lĩnh vực này đã có diễn biến giảm mạnh trong quý III nhưng hiện đã có xu hướng phục hồi, chủ yếu nhờ vào nhu cầu bên ngoài gia tăng. Bên cạnh đó, các ngành công nghiệp mới theo hướng tăng cường sử dụng năng lượng xanh, hướng tới phát triển bền vững cũng có mức tăng trưởng cao. Thị trường lao động cũng có những cải thiện đáng kể, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm khoảng 0,5 điểm phần trăm so với đầu năm và hiện giữ ổn định ở mức 5% trong nhiều tháng gần đây.

Tăng trưởng kinh tế theo quý



Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

Lạm phát toàn cầu có diễn biến giảm nhanh, giá cả hàng hóa có xu hướng hạ nhiệt, đặc biệt là giá năng lượng và thực phẩm

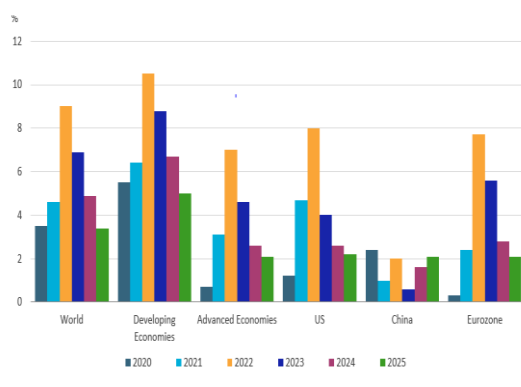
Xu hướng diễn biến của lạm phát là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2023, lạm phát đã hạ nhiệt nhanh ngay khi giá năng lượng và thực phẩm suy giảm trong nửa đầu năm. Thêm vào đó nhu cầu suy yếu trên diện rộng trước những ảnh hưởng từ các điều kiện tài chính thắt chặt hơn tiếp tục hỗ trợ cho đà giảm của lạm phát tại nhiều nền kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế đầu tàu. Theo dự báo mới nhất của IMF và Ủy ban kinh tế Châu Âu, lạm phát toàn cầu năm 2023 nhiều khả năng sẽ giao động từ 5,7% – 6,9%, giảm khoảng 2 điểm phần trăm so với năm 2022, tại Mỹ, Châu Âu, lạm phát năm 2023 đã về gần sát với mục tiêu, giảm khoảng 5 điểm phần trăm so với năm ngoái.

Hỗ trợ mạnh mẽ cho đà giảm của lạm phát trong năm đó là diễn biến giảm của giá cả hàng hóa toàn cầu trong năm 2023, theo số liệu thống kê của Ngân hàng thế giới – WB, chỉ số giá cả hàng hóa đã giảm khoảng 24% so với năm ngoái, xu hướng giảm được hình thành ngay từ đầu năm và diễn ra trên tất cả các nhóm hàng ngoại trừ giá cả nhóm kim loại quý. Trong đó, chỉ số giá nhóm hàng năng lượng và phân bón có mức giảm mạnh nhất, lần lượt là 30% và 35%. Trong nhóm hàng năng lượng, diễn biến giảm xuất hiện trên cả 03 nhóm hàng chính,

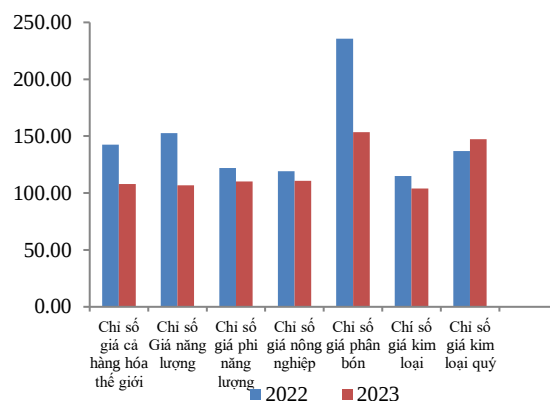
chỉ số giá bình quân của nhóm hàng than, khí hóa lỏng giảm mạnh, giao động từ 23% – 67% so với năm trước trong khi chỉ số giá dầu bình quân giảm khoảng 17%, tương ứng với mức giảm của giá dầu Brent và WTI. Trong năm 2023, nhu cầu yếu, khủng hoảng địa chính trị, các tín hiệu cắt giảm nguồn cung dầu của khối các nước OPEC+ và dữ liệu dự trữ dầu của Mỹ,... đã ảnh hưởng mạnh đến xu hướng của giá dầu giao dịch mỗi tháng.

Trong nhóm hàng phi năng lượng, diễn biến giảm xuất hiện trên hầu hết các nhóm hàng, chỉ số giá nhóm hàng thực phẩm, kim loại và khoáng đã có mức giảm từ 9% – 11%. Trong nhóm hàng hóa thực phẩm bên cạnh xu hướng giảm của nhiều nhóm hàng giao động từ 0,6% – 38% đã ghi nhận diễn biến tăng của giá gạo, đường, thuốc lá, hoa quả. Bên cạnh đó, giá các kim loại sản xuất cơ bản phần lớn đều có xu hướng giảm, giao động từ 0,05% – 23%, giá nhôm, thiếc, kẽm là những mặt hàng có xu hướng giảm mạnh nhất.

Dự báo lạm phát trên kịch bản cơ sở 2020 – 2025



Diễn biến chỉ số giá cả hàng hóa năm 2022 – 2023



Nguồn: WB, Euromonitor

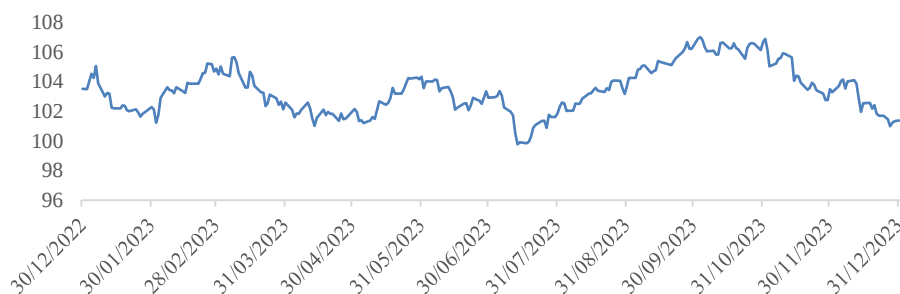
2. Diễn biến thị trường ngoại hối, chứng khoán

Thị trường ngoại hối

Đồng đô la giảm sau 02 năm tăng liên tục

Năm 2023, thị trường ngoại hối đã chứng kiến sự đảo chiều của nhiều đồng tiền mạnh so với cuối năm ngoái. Đáng chú ý là việc đồng USD đã giảm, ước khoảng 2% so với cuối năm 2022 –diễn biến giảm sau 02 năm tăng giá liên tục và sự biến động của giá vàng trong bối cảnh bất ổn gia tăng, và đồng USD yếu.

Diễn biến chỉ số USD index



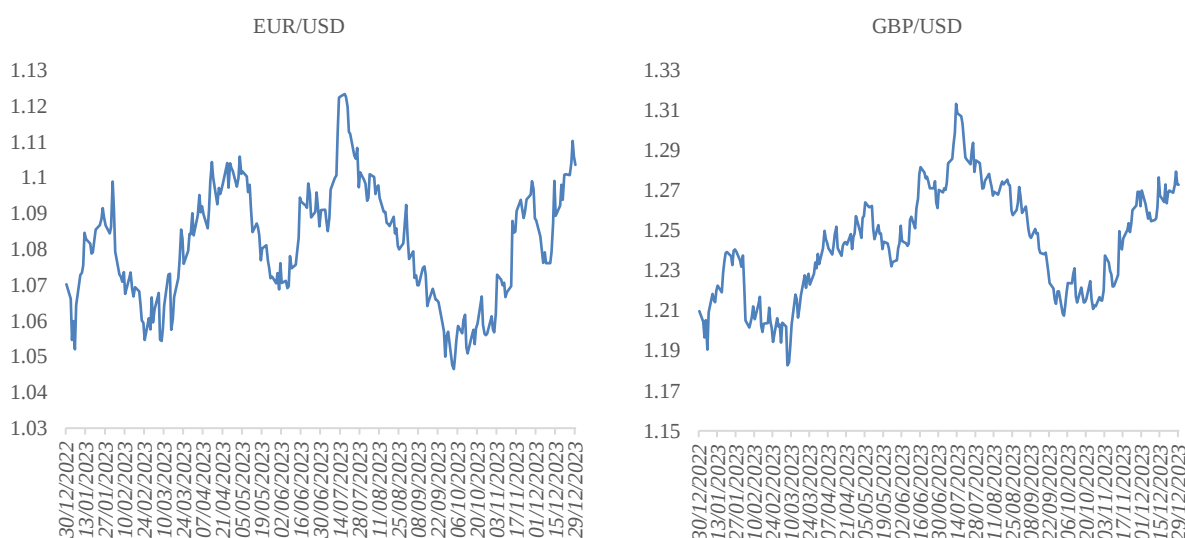
Nguồn: investing.com

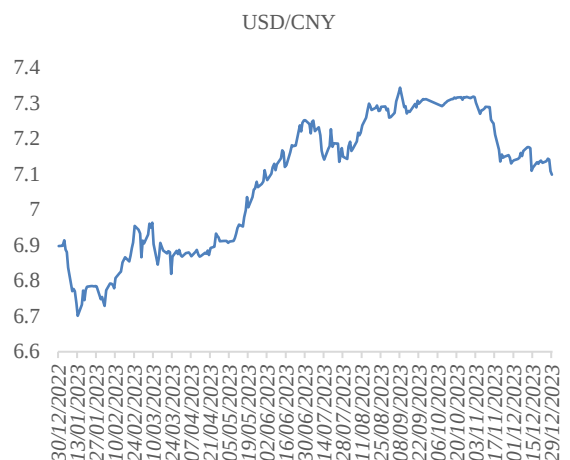
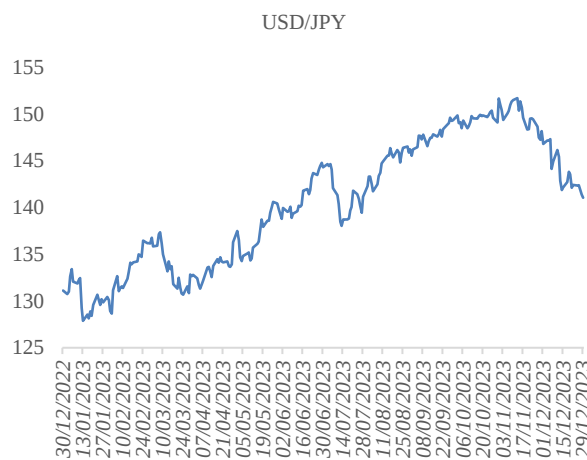
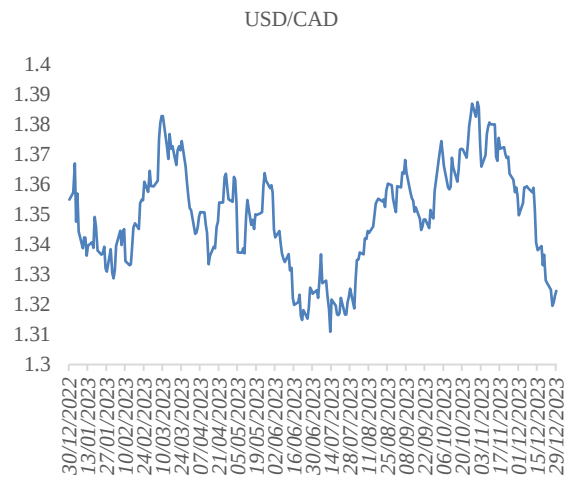
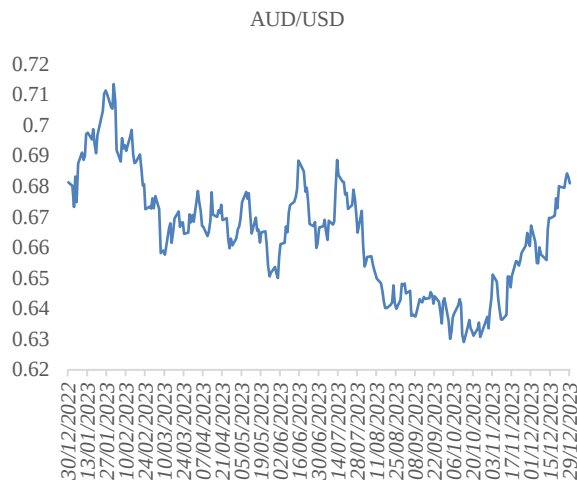
Trên thị trường ngoại hối, mặc dù không có được kết quả tích cực vào cuối năm nhưng chỉ số USD vẫn ghi nhận 07 tháng tăng điểm trước khi có diễn biến giảm trong quý IV, bất ngờ giảm mạnh lên đến hơn 4% trong 2 tháng cuối năm. Diễn biến giảm của đồng USD trong khoảng thời gian này chịu tác động mạnh bởi các quyết định của Fed trong việc điều hành CSTT và các tín hiệu có xu hướng xấu đi của một số diễn biến kinh tế. Chỉ số USD giao ngay giao dịch trong năm giao động trong biên độ khá rộng là 99 – 107, kết thúc năm 2023, giao dịch ở mức giá 101.29.

Trong khi đó, tại khu vực Châu Âu, 02 đồng tiền mạnh là đồng EUR và đồng GBP đồng loạt đảo chiều, có diễn biến tăng gần như liên tục trong quý cuối cùng của năm, lấy lại toàn bộ phần giảm điểm trong các quý trước. Hưởng lợi từ xu hướng giảm mạnh của đồng USD trên thị trường giao dịch cùng với việc lạm phát giảm nhanh, và các tín hiệu kinh tế có phần được cải thiện vào cuối năm. Tính đến hết năm, đồng EUR và đồng GBP đã tăng lần lượt là 3,13% và 5,25% so với đô la Mỹ, giao dịch ở mức 1.1036 và 1.2729. Bên cạnh đó, 02 đồng tiền mạnh khác là đồng CAD đã tăng khoảng 2% và đồng AUD giữ ổn định so với đồng USD.

Tại khu vực Châu Á, đồng JPY của Nhật Bản là đồng tiền có diễn biến xấu nhất trong năm. Diễn biến kinh tế đã không hỗ trợ cho đồng JPY, nguyên nhân chính tác động đến đà giảm là do sự khác biệt trong việc điều hành chính sách tiền tệ của NHTW Nhật Bản so với các nước. Đồng JPY mặc dù đã tăng hơn 7% vào 02 tháng cuối năm, nhưng kết thúc năm vẫn giảm 7,57% so với USD. Tiếp đến, đồng CNY của Trung Quốc cũng kết thúc năm 2023 với mức giảm 2,94% do thiếu sự hỗ trợ từ các diễn biến kinh tế trong nước. Đồng thời, khu vực Châu Á cũng ghi nhận thêm xu hướng giảm của một số đồng tiền so với đô la Mỹ như đồng MYR của Malaysia, đồng KRW của Hàn Quốc,... với mức giảm giao động từ 0,6% – 4,4%.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh





Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

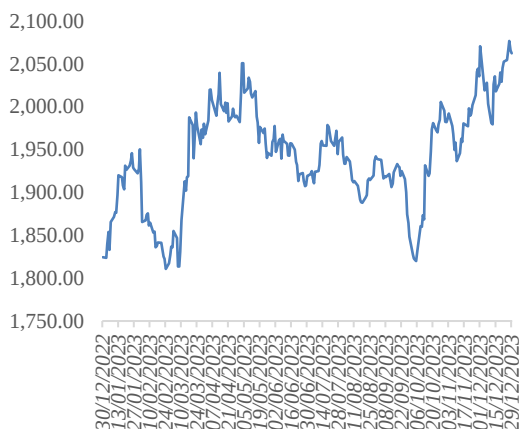
Giá vàng tăng mạnh trở lại, ghi nhận mức giá cao trong lịch sử giao dịch

Trong năm 2023, giá vàng đã tăng mạnh trở lại sau 02 năm giảm giá, giá vàng giao ngay đã tăng hơn 13% vào cuối năm, ghi nhận mức tăng theo tháng lên đến 7% vào tháng 3, tháng 10/2023, giá vàng đã tăng liên tục trong quý IV với tổng mức tăng là 11%, duy trì ngưỡng giá giao dịch cao mới hơn 2000 USD/ounce trong suốt cả tháng. Thậm chí, giá vàng đã lập mức giá cao kỷ lục mới, ở mức 2.135 USD/ounce vào ngày 04/12/2023. Giá vàng đặc biệt tăng mạnh vào những thời điểm gia tăng rủi ro bất ổn trên toàn cầu, xuất hiện các tín hiệu kinh tế ảm đạm và đồng USD suy yếu.

Bên cạnh đó, nhu cầu vàng cao kỷ lục trong năm 2023, đặc biệt là nhu cầu dự trữ của NHTW các nước để đa dạng hóa rõ ngoại tệ dự trữ nhằm giảm thiểu rủi ro. Số liệu khảo sát mới nhất của Hội đồng vàng thế giới cho thấy khoảng 24% NHTW các nước có nhu cầu gia tăng dự trữ vàng trong thời gian tới và 62% lạc quan về vai trò của vàng trong quỹ dự trữ của NHTW sẽ gia tăng, dự trữ sẽ tăng lớn hơn mức 46% của năm 2023.

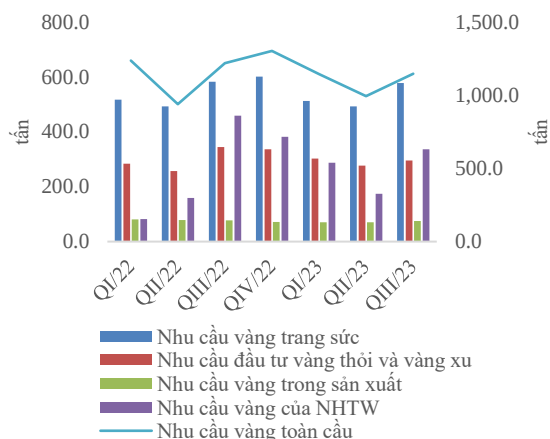
Kết thúc năm 2023, giá vàng giao ngay và kỳ hạn giao dịch lần lượt ở mức 2.062 USD/ounce và 2.071 USD/ounce.

Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: investing.com

Đồ thị Hội đồng vàng thế giới



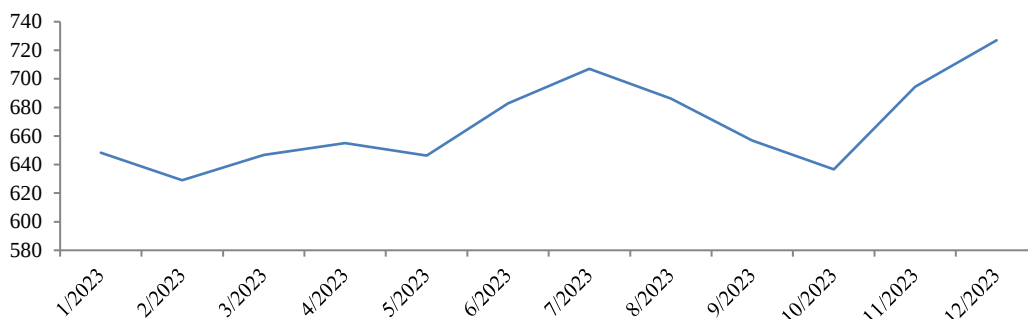
Nguồn: gold.org

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu hồi phục mạnh

Năm 2023, thị trường chứng khoán toàn cầu tăng điểm trở lại sau một năm 2022 đầy khó khăn, chỉ số MSCI ACWI kết thúc năm tăng hơn 20% so với năm ngoái, đạt 727 điểm. Trong năm, thị trường có nhiều biến động khi tăng trong nửa đầu năm 2023, sau đó điều chỉnh giảm sâu liên tục từ tháng 8 đến tháng 10 và phục hồi mạnh trong 2 tháng cuối năm. Thị trường chứng khoán Mỹ và khu vực Châu Âu có chung xu hướng tăng điểm trong khi thị trường chứng khoán khu vực Châu Á diễn biến trái chiều.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI trong năm 2023



Nguồn: msci.com

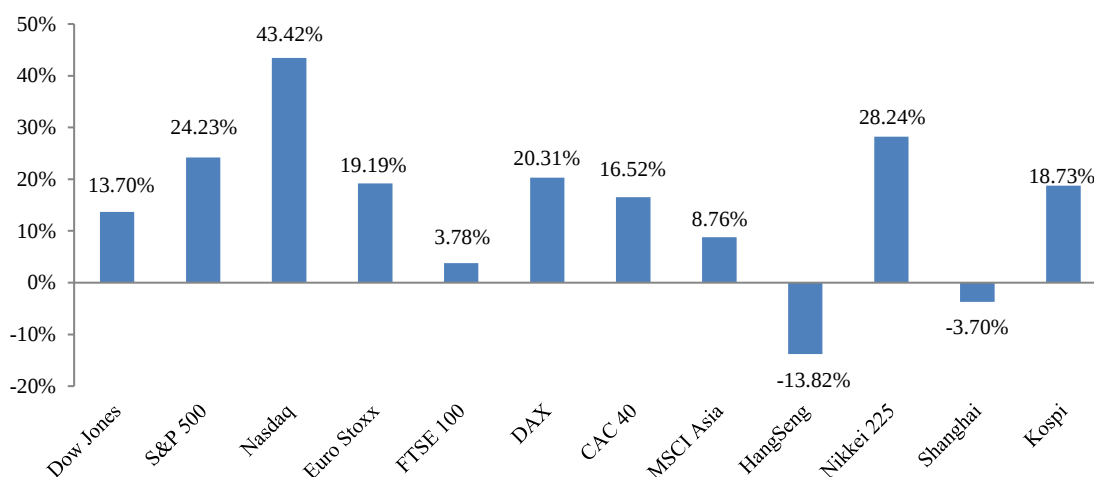
Thị trường chứng khoán Mỹ khép lại năm 2023 với mức tăng mạnh của cả 3 chỉ số, cụ thể kết thúc năm chỉ số Dow Jones tăng 13,70%, chỉ số S&P 500 leo dốc 24,23% và chỉ số Nasdaq Composite bứt phá 43,42% - mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2020. Động lực dẫn dắt đà tăng của thị trường là nhóm cổ phiếu công nghệ vốn hóa lớn, kỳ vọng ổn định của thị trường về chính sách lãi suất của Fed và các diễn biến kinh tế phục hồi.

Thị trường chứng khoán Châu Âu cũng kết thúc năm với xu hướng tăng điểm mặc dù trong năm 2023 cũng đã phải đối mặt với rủi ro trong khu vực ngân hàng, rủi ro địa chính trị và kinh tế còn ảm đạm. Theo đó, chỉ số Euro Stoxx 50 tăng 19,19%, chỉ số DAX của Đức tăng 20,31%; chỉ số CAC 40 của Pháp tăng 16,52% và chỉ số FTSE 100 của Anh tăng nhẹ 3,78%. Nhóm cổ phiếu ngành

công nghệ thông tin, hàng tiêu dùng và công nghiệp hoạt động hiệu quả.

Tại Châu Á, chỉ số MSCI khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đã tăng 8,76% so với cuối năm trước. Tuy nhiên, các thị trường chủ chốt trong khu vực ghi nhận diễn biến trái chiều. Chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản khép lại năm 2023 với mức tăng 28,24% - cao nhất trong 33 năm trở lại đây, chỉ số FTSE của Đài Loan và chỉ số Kospi của Hàn Quốc cũng đạt được mức tăng trưởng mạnh, lần lượt là 24,87% và 18,73%. Trong khi đó, thị trường chứng khoán Trung Quốc, Hồng Kông và khu vực Đông Nam Á hoạt động kém hiệu quả. Kết thúc năm 2023, chỉ số Hang Seng của Hồng Kông giảm mạnh nhất Châu Á với mức giảm 13,82%; chỉ số Shanghai Composite của Trung Quốc giảm 3,7% - đánh dấu năm thứ ba sụt giảm liên tiếp. Bên cạnh đó, nhiều thị trường chứng khoán ở khu vực Đông Nam Á cũng có diễn biến giảm như thị trường Singapore, Thái Lan, Malaysia.

Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt trong năm 2023



Nguồn: Bloomberg

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2024

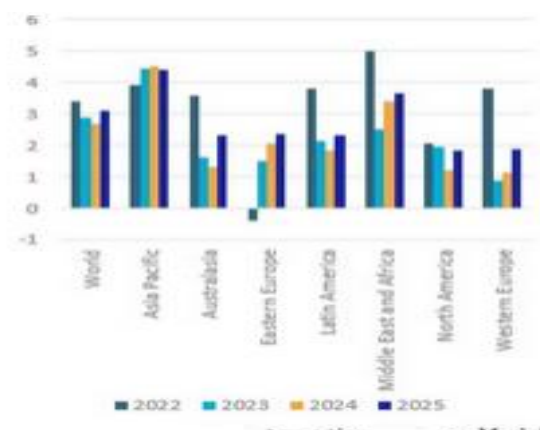
Kinh tế thế giới năm 2023 đã trải qua nhiều thử thách nhưng nhìn chung vẫn giữ được đà tăng trưởng, trong bức tranh chung của kinh tế thế giới vẫn có được những điểm sáng đáng chú ý. Mặc dù vậy, triển vọng kinh tế thế giới năm 2024 theo các dự báo cập nhật gần đây lại có phần không mấy tích cực, xu hướng phân kỳ tiếp tục diễn ra giữa các nước và khối nước, thử thách và khó khăn vẫn còn nhiều. Vì vậy, dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 sẽ thấp hơn năm 2023, giao động trong khoảng từ 2,4% - 2,9%.

Trong năm 2024, các nền kinh tế được xem là có kết quả tốt như Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ mặc dù vẫn giữ được phong độ nhưng nhiều khả năng sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng thấp hơn. Trong khi đó, các nền kinh tế tại khu vực Châu Âu mặc dù đang phải đối mặt với nguy cơ suy thoái nhưng được kỳ vọng sẽ cải thiện dần khi các khó khăn về thị trường, lao động và lạm phát dịu bớt và sẽ có tốc độ tăng trưởng cao hơn so với năm 2023. Bên cạnh đó, kinh tế Trung Quốc có thể đạt được mục tiêu tăng trưởng hơn 5% trong năm nay nhưng sẽ thấp hơn

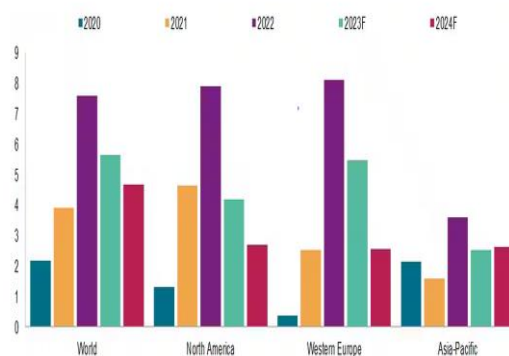
trong năm tới khi nhu cầu trong nước còn yếu và các khó khăn trong khu vực bất động sản chưa được giải quyết hiệu quả. Kỳ vọng điểm sáng kinh tế cho năm tới tiếp tục tập trung vào các nền kinh tế phát triển, đang phát triển tại khu vực Châu Á như Ấn Độ, Hàn Quốc, Indonexia, Việt Nam,... với sự hỗ trợ của các động lực chính như xuất khẩu, tiêu dùng, công nghệ mới,...

Bên cạnh đó, lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục giảm, theo dự báo mới nhất lạm phát năm 2024 sẽ rơi vào khoảng 3,9% – 4,9%, áp lực lạm phát về phía cầu tiếp tục giảm tuy nhiên áp lực giá cả hàng hóa gia tăng vẫn tiềm ẩn cao. Theo đó, lạm phát sẽ có xu hướng giảm nhanh hơn tại các nước phát triển do tác động trễ của CSTT, lạm phát sẽ giảm dần tiệm cận với mức mục tiêu mà NHTW đặt ra. Trong khi đó, các nước đang phát triển nhiều khả năng tiếp tục phải đối mặt với những thách thức về sự biến động của giá cả hàng hóa, đặc biệt là giá thực phẩm và tác động của việc dịch chuyển tỷ giá.

Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới và tại một số khu vực



Dự báo lạm phát toàn cầu và tại một khu vực trên thế giới



Nguồn: Euromonitor, S&P Global Market

II. KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi tích cực

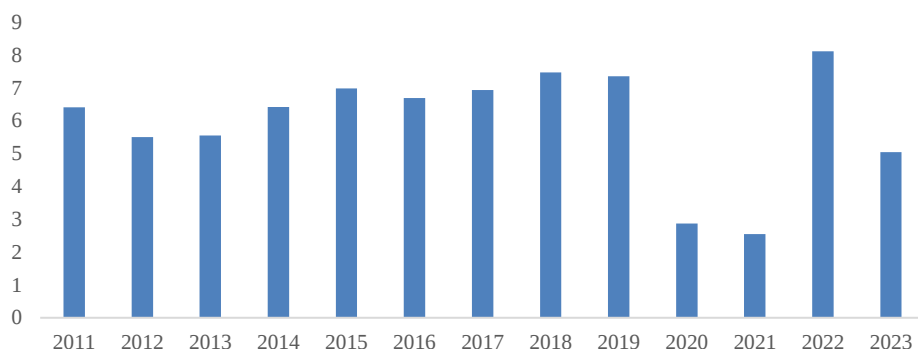
Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới năm 2023, kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi với xu hướng tích cực, quý sau cao hơn quý trước¹. GDP quý IV ước tính tăng 6,72% - mức tăng theo quý cao nhất trong vòng 3 năm². Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,13%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,35%; khu vực dịch vụ tăng 8,12%.

GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

¹ quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%

² Tốc độ tăng GDP quý IV các năm 2020- 2022 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 4,7%; 5,22%; 5,96%

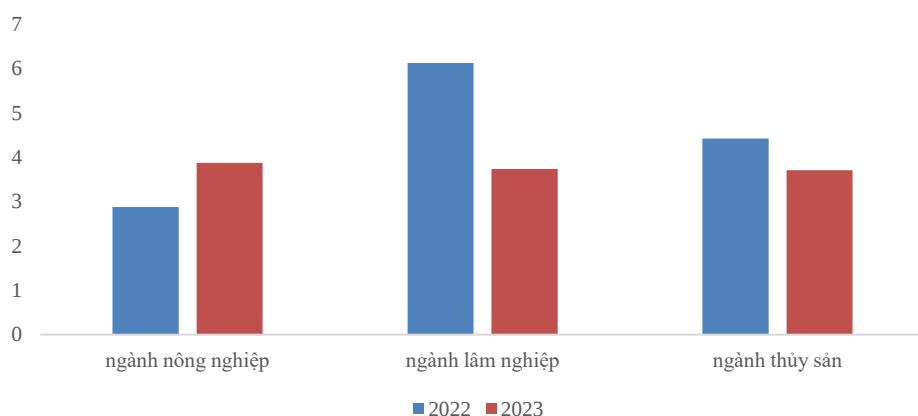
Diễn biến tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 - 2023 (%)



Nguồn: TCTK

+ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng tích cực, đáng chú ý kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng nông thủy sản tăng cao, việc ứng dụng công nghệ được đẩy mạnh trong việc nuôi trồng các sản phẩm xuất khẩu. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 3,88%, đóng góp 0,34 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,74% đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,71%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

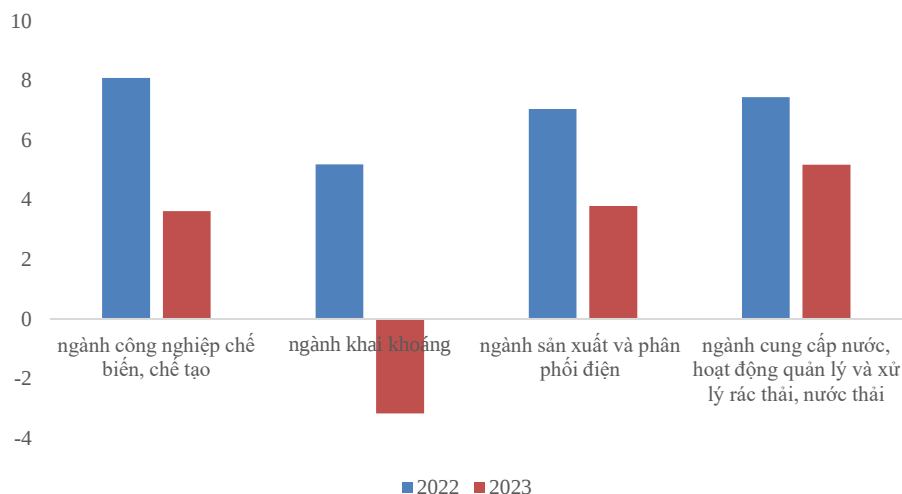
Tăng trưởng của các nhóm ngành trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản



Nguồn: TCTK

+ Khu vực công nghiệp và xây dựng: ngành xây dựng tăng 7,06%, đóng góp 0,51 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế. Tuy nhiên, trong năm 2023 ngành công nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hơn so với năm ngoái nên giá trị tăng thêm của toàn ngành công nghiệp ước tính chỉ tăng 3,02% so với năm trước – mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 10 năm trở lại đây, đóng góp 1 điểm phần trăm. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,62%, đóng góp 0,93 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Tiếp theo, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,18%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,79%, đóng góp 0,14 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 3,17%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm.

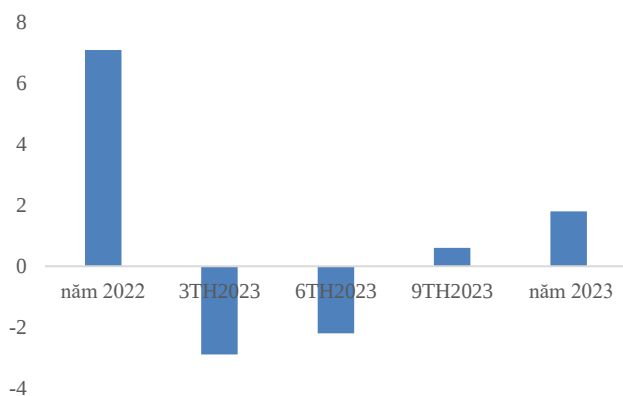
Tốc độ tăng trưởng của các nhóm ngành trong khu vực công nghiệp



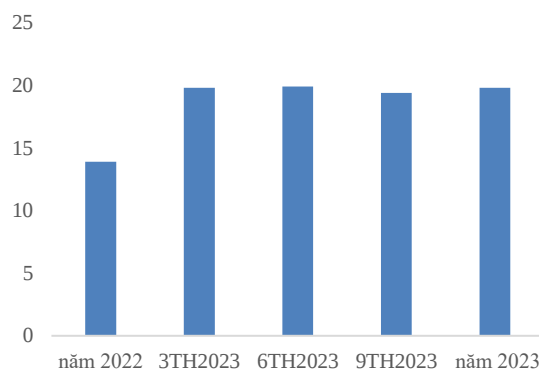
Nguồn: TCTK

Tính chung cả năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,8% so với năm trước – thấp hơn mức tăng 7,1% của năm 2022. Trong khi đó, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 31/12/2023 tăng 19,8% so với cùng thời điểm năm trước. Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân năm 2023 là 87,5%.

Diễn biến chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo



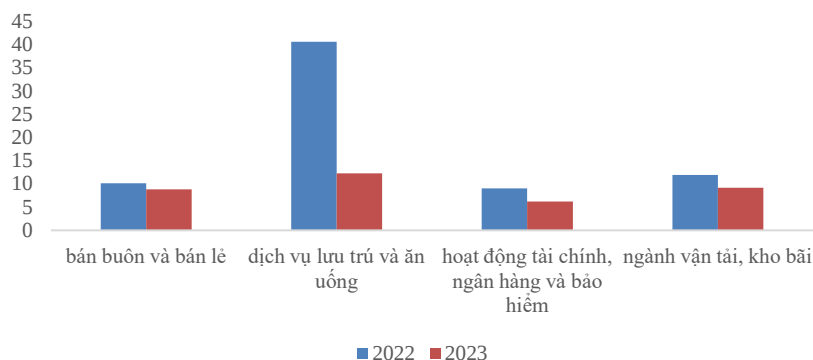
Diễn biến chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo



Nguồn: TCTK

+ Khu vực dịch vụ: trong năm 2023, hoạt động thương mại, du lịch duy trì tăng trưởng cao, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Trong đó, một số ngành dịch vụ thị trường đã đóng góp lớn vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như ngành bán buôn và bán lẻ tăng 8,82% so với năm trước, đóng góp 0,86 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 9,18%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,34%, đóng góp 0,37 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng mạnh nhất với mức tăng 12,24%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm.

Tốc độ tăng trưởng của các nhóm ngành trong khu vực dịch vụ



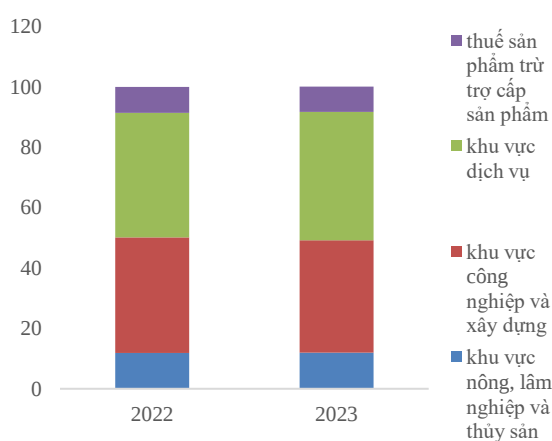
Nguồn: TCTK

Xét trên cơ cấu kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,21%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,38%.

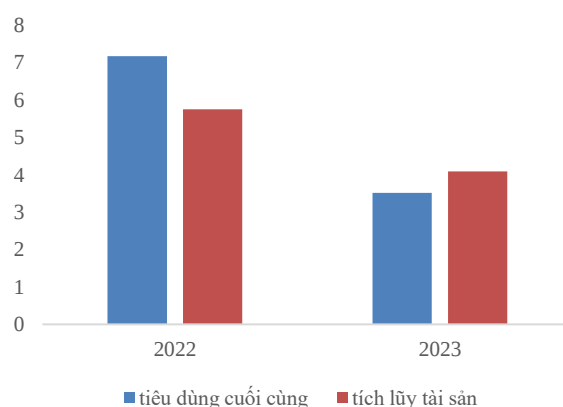
Xét trên góc độ sử dụng GDP năm 2023, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,52% so với năm 2022, đóng góp 41,04% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 4,09%, đóng góp 26,64%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 2,54%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 4,33%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 32,32%.

Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD³. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Đóng góp vào GDP của các khu vực



Tốc độ tăng trưởng của các cấu phần đóng góp vào GDP trên góc độ sử dụng



Nguồn: TCTK

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước tính đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022). Theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65%⁴ do trình độ

³ Tỷ giá trung tâm bình quân năm 2023 (tính đến ngày 28/12/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam): 1 USD = 23.784,55 VNĐ

⁴ Năng suất lao động năm 2022 theo giá hiện hành đạt 188,7 triệu đồng/lao động, tăng 4,8% so với năm trước

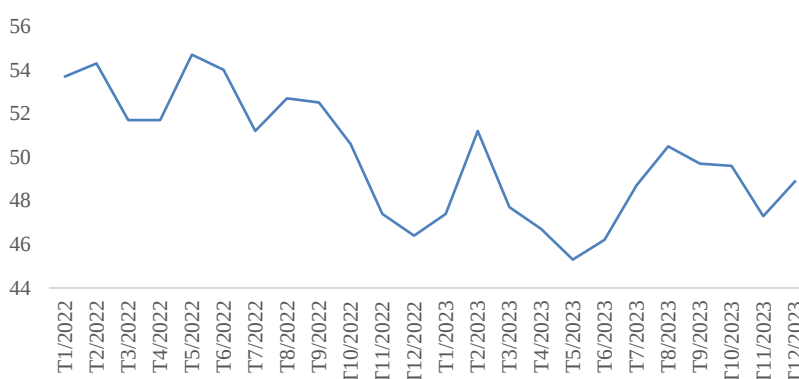
của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

Các điều kiện kinh doanh trong khu vực sản xuất đã suy yếu trong năm 2023

Diễn biến chỉ số quản trị nhà mua hàng trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam – chỉ số PMI, do S&P Global công bố cho thấy các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đã có 10 tháng thu hẹp trong năm 2023, tín hiệu cải thiện chỉ xuất hiện trong tháng 2 và tháng 8. Đáng chú ý diễn biến thiếu tích cực này đã xuất hiện liên tục trong nhiều tháng, tính đến cuối năm, chỉ số PMI đạt 48,9 điểm – mặc dù đã tăng so với tháng 11 nhưng vẫn nằm dưới ngưỡng mở rộng.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy yếu này là do nhu cầu trong nước và quốc tế có xu hướng giảm liên tục dẫn đến sản lượng cũng giảm. Trong tháng 12, tổng đơn hàng mới đã giảm tháng thứ 2 liên tiếp và sản lượng hàng hóa đã giảm kéo dài trong 04 tháng. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng đang đối mặt với tình trạng chi phí đầu vào gia tăng nhưng do nhu cầu yếu, áp lực cạnh tranh lớn nên các doanh nghiệp hạn chế tăng giá bán hàng hóa hoặc chỉ tăng nhẹ trong chuỗi tăng kéo dài 5 tháng vừa qua. Mặc dù chưa có được tín hiệu tích cực trong tháng 12 nhưng các doanh nghiệp tham gia khảo sát đều kỳ vọng rằng sản lượng sẽ gia tăng trong những tháng tới khi nhu cầu phục hồi. Vì vậy, niềm tin kinh doanh đã phục hồi đạt mức cao nhất trong 03 tháng gần đây mặc dù vẫn thấp hơn mức trung bình của lịch sử chỉ số.

Diễn biến chỉ số PMI qua các tháng năm 2022 – 2023



Nguồn: Nikkei

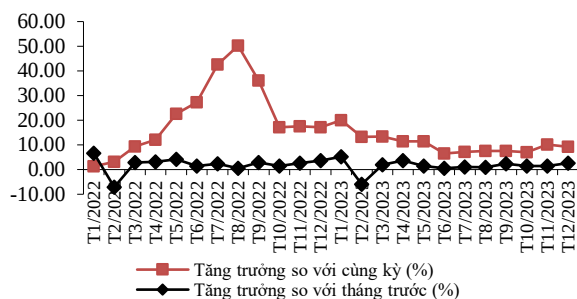
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng so với năm trước

Hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng tháng cuối năm diễn ra sôi động góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Tính chung cả năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6.231,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm trước (năm 2022 tăng 20%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,1% (năm 2022 tăng 15,8%).

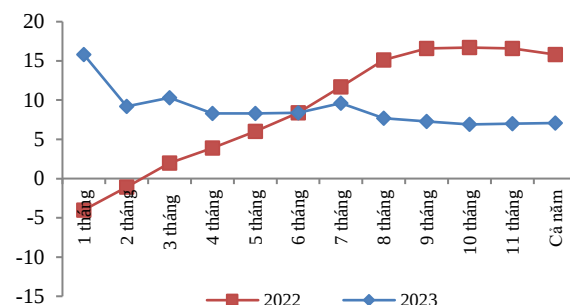
Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 4.858,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 78% tổng mức và tăng 8,6% so với năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 673,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,8% tổng mức và tăng 14,7%. Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 37,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng mức và tăng 52,5% do năm nay các địa phương đã tích cực triển khai nhiều sản phẩm du lịch, hoạt động văn hóa, thể thao nhằm kích cầu du lịch. Cuối cùng, doanh thu

dịch vụ khác ước tính đạt 661,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,6% tổng mức và tăng 10,4%.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá

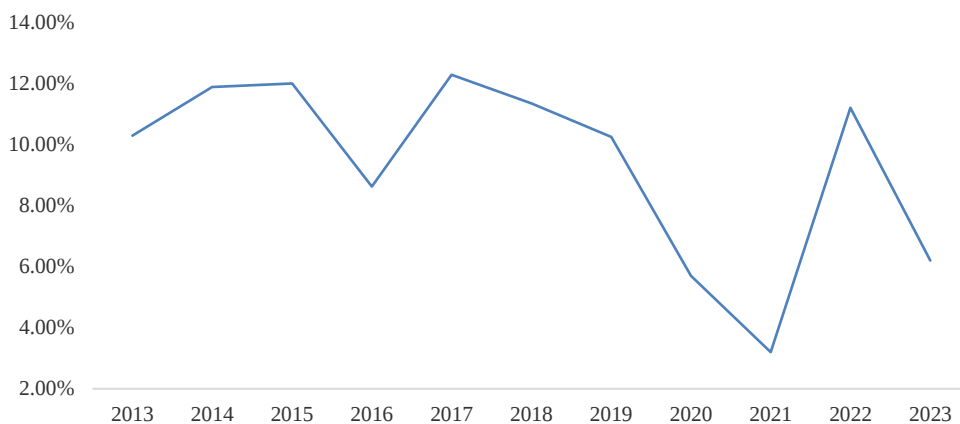


Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư toàn xã hội tăng trưởng tốt

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trong năm 2023 theo giá hiện hành ước tính đạt 3.423,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm trước. Cụ thể, vốn khu vực Nhà nước đạt 953,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 27,8% tổng vốn và tăng 14,6% so với năm trước (trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2023 tăng 21,2% so với năm trước); khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.919,7 nghìn tỷ đồng, bằng 56,1% và tăng 2,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 550,2 nghìn tỷ đồng, bằng 16,1% và tăng 5,4%.

Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 2013 – 2023

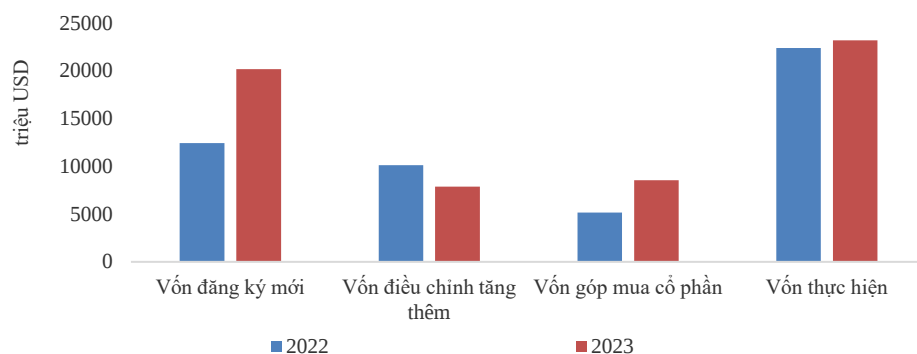


Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đã tăng so với năm ngoái

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm 2022. Cụ thể: (i) Số vốn đăng ký cấp mới đạt 20,19 tỷ USD; (ii) Vốn đăng ký điều chỉnh là 7,88 tỷ USD; (iii) Giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 8,5 tỷ USD.

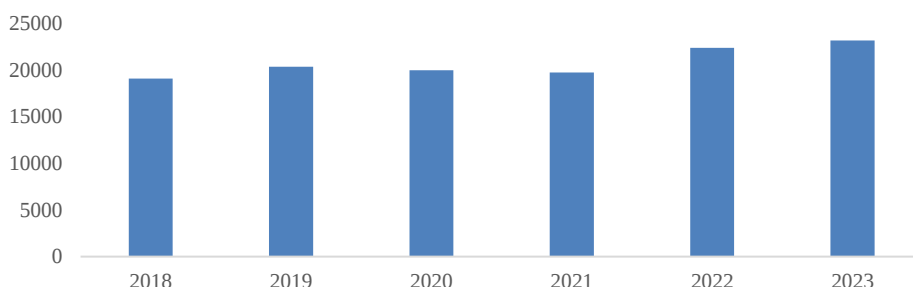
Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2022 - 2023



Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2023 ước tính đạt gần 23,18 tỷ USD, tăng khoảng 3,4% so với năm trước.

Diễn biến vốn FDI thực hiện giai đoạn 2018 - 2023



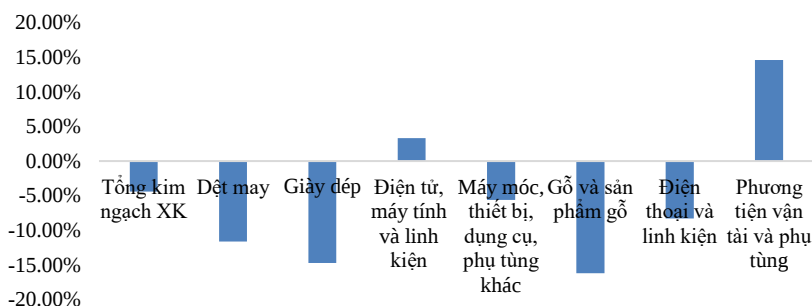
Nguồn: TCTK

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giảm so với năm trước

Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 95,55 tỷ USD, giảm 0,3%, chiếm 26,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 259,95 tỷ USD, giảm 5,8%, chiếm 73,1%.

Trong đó, có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,6% tổng kim ngạch xuất khẩu, có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66%.

Diễn biến kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng



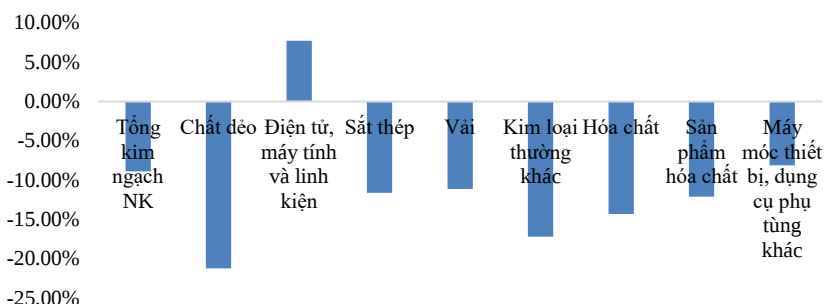
Nguồn: TCTK

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 117,29 tỷ USD, giảm 7,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 210,21 tỷ USD, giảm

9,8%.

Trong kim ngạch nhập khẩu hàng hóa, có 44 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 92,4% tổng kim ngạch nhập khẩu, có 04 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 46,8%.

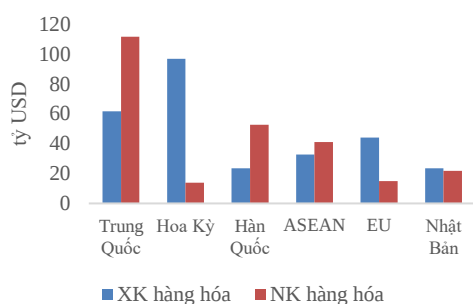
Diễn biến kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng



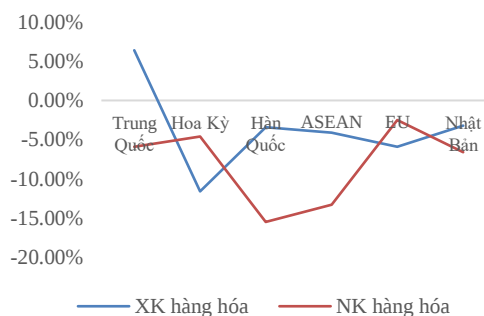
Nguồn: TCTK

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2023, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu dẫn đầu với kim ngạch ước đạt 96,8 tỷ USD. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch ước đạt 111,6 tỷ USD.

Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước năm 2023



Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa so với cùng kỳ năm trước năm 2023

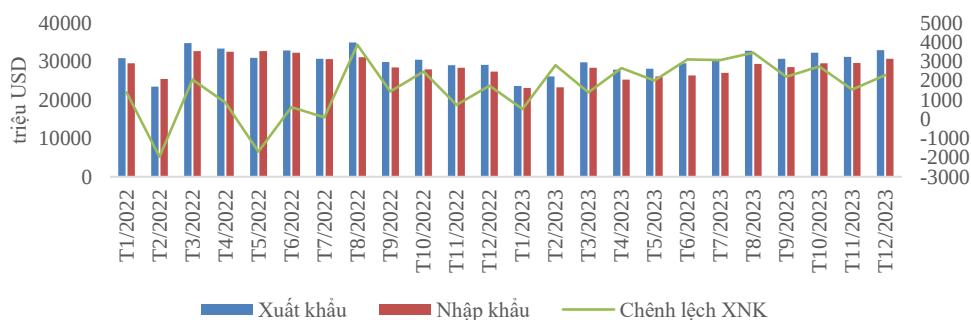


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD – đây là năm thứ tám liên tiếp xuất siêu. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 21,74 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 49,74 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2022 – 2023)



Nguồn: TCTK

Trong năm 2023, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 83 tỷ USD giảm 12,6% so với năm trước; xuất siêu sang EU ước đạt 29,1 tỷ USD, giảm 7,6%; xuất siêu sang Nhật Bản 1,6 tỷ USD, tăng 90,3%; nhập siêu từ Trung Quốc 49,9 tỷ USD, giảm 17,6%; nhập siêu từ Hàn Quốc 29,1 tỷ USD, giảm 23,3%; nhập siêu từ ASEAN 8,3 tỷ USD, giảm 37,2%.

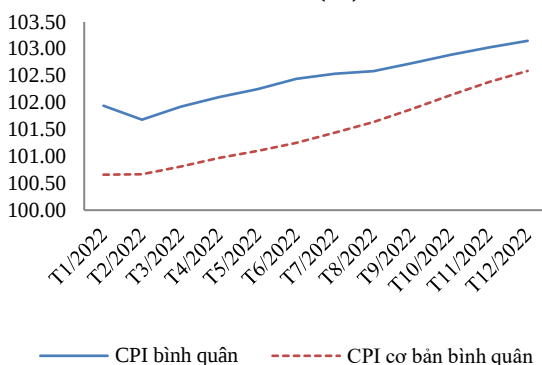
2. Diễn biến chỉ số CPI

Chỉ số giá tiêu dùng tăng so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra

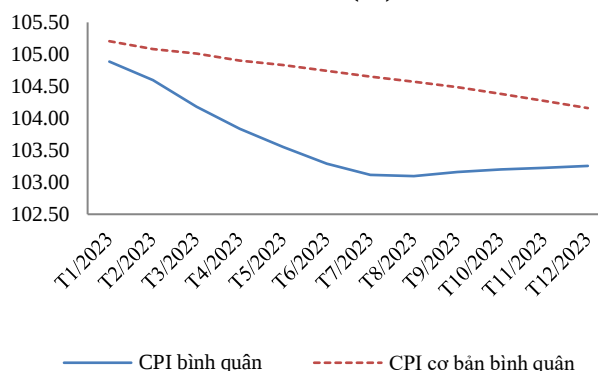
Kết thúc năm 2023, CPI bình quân tăng 3,25% so với năm 2022 – đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong quý IV/2023, CPI tăng 3,54% so với cùng kỳ năm trước; CPI tháng 12/2023 tăng 0,12% so với tháng trước và tăng 3,58% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2023 tăng 0,17% so với tháng trước, tăng 2,98% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 tăng 4,16% so với bình quân năm 2022.

CPI bình quân và lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 (%)



CPI bình quân và lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 (%)



Nguồn: TCTK

Trong năm 2023, có 09/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có CPI bình quân tăng và có 02 nhóm có CPI bình quân giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- CPI bình quân nhóm Giáo dục có tốc độ tăng cao nhất năm nay ở mức 7,44% so với bình quân năm trước do một số địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, làm CPI chung tăng 0,46 điểm phần trăm.
- CPI bình quân nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,58% so với bình quân năm trước do giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, cùng với đó giá thuê nhà ở tăng cao, làm CPI chung tăng 1,24 điểm phần trăm.
- CPI bình quân nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,44% so với bình quân năm trước, trong đó, giá các mặt hàng thực phẩm tăng 6,85%, làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm. Đáng chú ý, giá gạo tăng 6,77% theo giá gạo xuất khẩu, tác động làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm.
- CPI bình quân nhóm Đồ uống và thuốc lá tăng 3,29% so với bình quân năm trước do nguyên liệu sản xuất và chi phí nhân công tăng, làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm.

- CPI bình quân nhóm Thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,23% so với bình quân năm trước do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- CPI bình quân nhóm Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,65% so với bình quân năm trước chủ yếu do từ tháng 7/2023, dịch vụ bảo hiểm y tế tăng theo mức lương cơ sở mới, làm CPI tăng 0,16 điểm phần trăm.

- Các nhóm ngành khác như may mặc, mũ nón và giày dép; thiết bị và đồ dùng gia đình; văn hóa, giải trí và du lịch có CPI bình quân tăng giao động trong khoảng 2,09% - 2,55%.

Bên cạnh đó, CPI bình quân nhóm Bưu chính viễn thông tiếp tục giảm 0,81% so với bình quân năm trước do giá điện thoại di động thế hệ cũ giảm; CPI bình quân nhóm Giao thông giảm 2,49% so với bình quân năm trước, trong đó, chỉ số giá nhóm xăng dầu trong nước giảm 11,02% so với năm 2022 theo biến động của giá thế giới, làm CPI chung giảm 0,4 điểm phần trăm; dầu hỏa giảm 10,02%.

Một số chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 12

Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội

1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất.

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin.

2. Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ trên được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

3. Mức giảm thuế giá trị gia tăng:

- Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%.

- Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng.

Công văn số 8746/BCT-TTTN ngày 07/12/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 509 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 668 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 475 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 194 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 202 đồng/kg.

Công văn số 8909/BCT-TTTN ngày 14/12/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 778 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 917 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 711 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 958 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 549 đồng/kg.

Công văn số 9088/BCT-TTTN ngày 21/12/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 687 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 740 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 514 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 530 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 287 đồng/kg.

Công văn số 9275/BCT-TTTN ngày 28/12/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

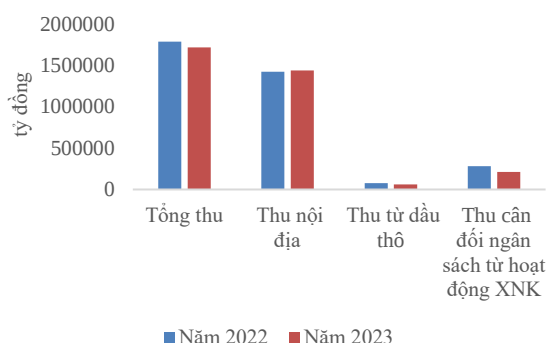
Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 13 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 3 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 264 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 37 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 420 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

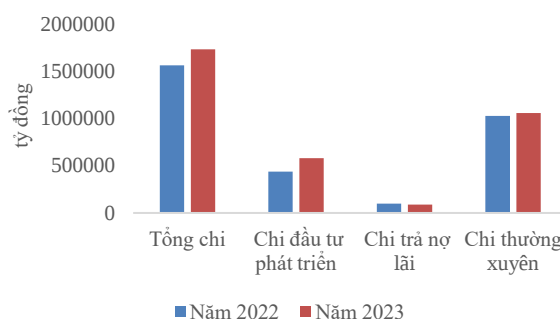
Tổng thu ngân sách Nhà nước ước tính năm 2023 đạt 1.717,8 nghìn tỷ đồng, bằng 106% dự toán năm và giảm 5,4% so với năm trước. Trong đó, thu nội địa đạt 1.439 nghìn tỷ đồng, bằng 107,9% dự toán năm và giảm 0,3% so với năm trước; thu từ dầu thô đạt 62,8 nghìn tỷ đồng, bằng 149,5% dự toán năm và giảm 19,5%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 3,4 nghìn tỷ đồng; lũy kế năm 2023 ước đạt 213 nghìn tỷ đồng, bằng 89,1% dự toán năm và giảm 25,4%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2023 ước tính đạt 1.731,9 nghìn tỷ đồng, bằng 83,4% dự toán năm và tăng 10,9% so với năm trước, trong đó, chi thường xuyên năm 2023 ước đạt 1.058,6 nghìn tỷ đồng, bằng 90,3% dự toán năm và tăng 3,2% so với năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 579,8 nghìn tỷ đồng, bằng 79,8% và tăng 33,1%; chi trả nợ lãi 90,1 nghìn tỷ đồng, bằng 87,6% và giảm 7,6%.

Thu NSNN năm 2022 - 2023



Chi NSNN năm 2022 - 2023

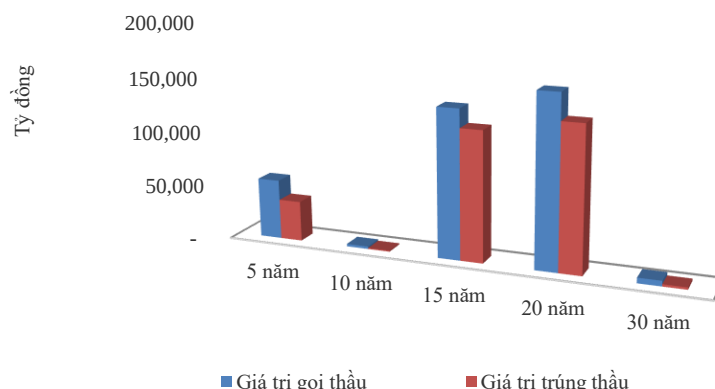


Nguồn: TCTK

Trong năm 2023, Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 298.476 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu, hoàn thành 97,86% kế hoạch điều chỉnh của năm 2023, trong đó 2 kỳ hạn có khối lượng gọi thầu cao nhất là kỳ hạn 10

năm và kỳ hạn 15 năm (lần lượt là 136.000 và 156.000 tỷ đồng) với tỷ lệ trúng thầu lần lượt đạt 87,45% (kỳ hạn 10 năm) và 84,4% (kỳ hạn 15 năm).

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn năm 2023



Nguồn: hnx.vn

Mặt bằng lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ giảm trong khoảng 2,45 – 2,55 điểm phần trăm so với cuối năm trước. Kết thúc năm 2023, lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm là 1,58%, kỳ hạn 10 năm nằm trong khoảng 2,2% – 2,25%/năm, kỳ hạn 15 năm nằm trong khoảng 2,4% – 2,45%/năm và kỳ hạn 30 năm nằm trong khoảng 3% – 3,03%.

Một số chính sách quan trọng về quản lý vốn, ngân sách được ban hành trong tháng 12 Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024

1. Dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 như sau:

- Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia): 56.666.281 triệu đồng;
- Chi thường xuyên (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia): 21.032.470 triệu đồng; trong đó:
 - + Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 371.410 triệu đồng;
 - + Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 33.940 triệu đồng;
 - + Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 2.430 triệu đồng;
 - + Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 1.510 triệu đồng;
 - + Chi các hoạt động kinh tế: 20.241.650 triệu đồng;
 - + Chi quản lý Nhà nước, đảng, đoàn thể: 381.530 triệu đồng.

2. Căn cứ nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao, các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 đến từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31/12/2023.

Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2024

1. Phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, dứt khoát không dàn trải, manh mún, chia cắt, không để xảy ra tiêu cực, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ số nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật (nếu có);
- Bố trí đủ vốn để thu hồi số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;
- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024;
- Bố trí đủ vốn cho dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2024 theo thời gian bố trí vốn;
- Bố trí vốn cho các nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;...

2. Rà soát, cắt giảm kế hoạch vốn của các dự án triển khai chậm để bổ sung vốn cho các dự án có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, có khả năng hấp thụ vốn, bảo đảm đúng quy định và giải ngân hết kế hoạch vốn được giao.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất chế tài, xử lý đối với các trường hợp trả lại kế hoạch vốn hằng năm do nguyên nhân chủ quan, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Quyết định số 2715/QĐ-BTC ngày 08/12/2023 về việc công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024

1. Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước là 1.700.988 tỷ đồng, trong đó:

- Thu nội địa: 1.444.413 tỷ đồng;
- Thu từ dầu thô: 46.000 tỷ đồng;
- Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 204.000 tỷ đồng;
- Thu viện trợ: 6.575 tỷ đồng.

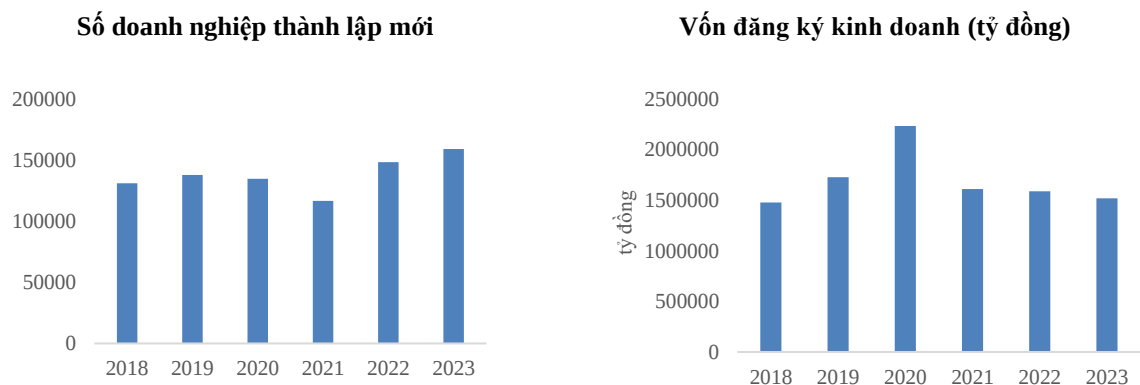
2. Tổng chi ngân sách Nhà nước là 2.119.428 tỷ đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 677.349 tỷ đồng;
- Chi trả nợ lãi: 111.714 tỷ đồng;
- Chi viện trợ: 2.200 tỷ đồng;
- Chi thường xuyên: 1.175.720 tỷ đồng;
- Chi cải cách tiền lương và điều chỉnh tiền lương, một số chế độ trợ cấp, phụ cấp, chính sách an sinh xã hội: 74.048 tỷ đồng.

4. Tình hình doanh nghiệp

Trong năm 2023, cả nước có 159,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.521,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% về số doanh nghiệp, giảm 4,4% về vốn đăng ký so với năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2023 đạt 9,6 tỷ đồng, giảm 10,8% so với năm trước. Bên cạnh đó, trong năm 2023 còn có 58,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 2,4% so với năm 2022.

Trong năm 2023, theo khu vực kinh tế có 1.776 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 9,3% so với năm 2022; 38 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 4,8%; 119,5 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 8,3%.

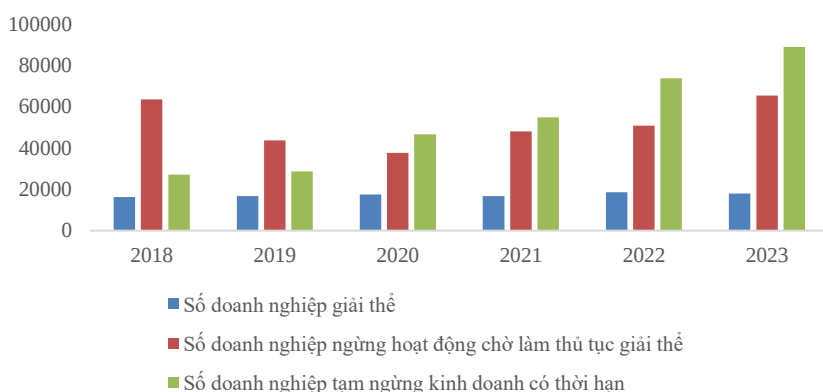


Nguồn: TCTK

Trong năm 2023, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 89,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 20,7% so với năm 2022; 65,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 28,9%; 18 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 3,1%.

Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 6.755 doanh nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo có 1.974 doanh nghiệp; xây dựng có 1.311 doanh nghiệp; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế quảng cáo và chuyên môn khác có 1.206 doanh nghiệp; kinh doanh bất động sản có 1.286 doanh nghiệp, trong khi các ngành khác, con số này giao động trong khoảng 111 – 937 doanh nghiệp.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: TCTK

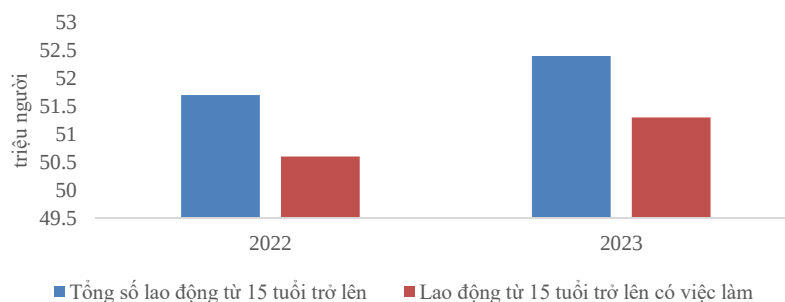
5. Tình hình lao động việc làm

Trong năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 52,4 triệu người, tăng 666,5 nghìn người so với năm trước. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 46,8 triệu người, tăng 599,9 nghìn người so với năm trước.

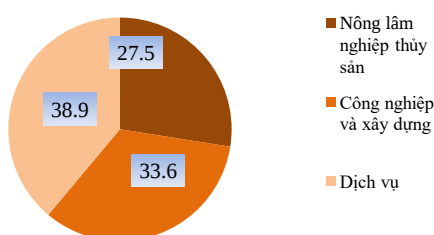
Bên cạnh đó, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 51,3 triệu người, tăng 683 nghìn người so với năm trước. Cụ thể, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 13,8 triệu người, chiếm 26,9% và giảm 118,9 nghìn người so với năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 17,2 triệu người, chiếm 33,5% và tăng 248,2 nghìn người; khu vực dịch vụ là 20,3 triệu người, chiếm

39,6% và tăng 553,6 nghìn người.

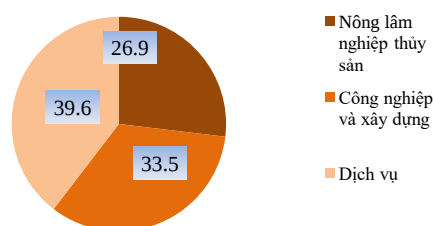
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên



Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực năm 2022 (%)



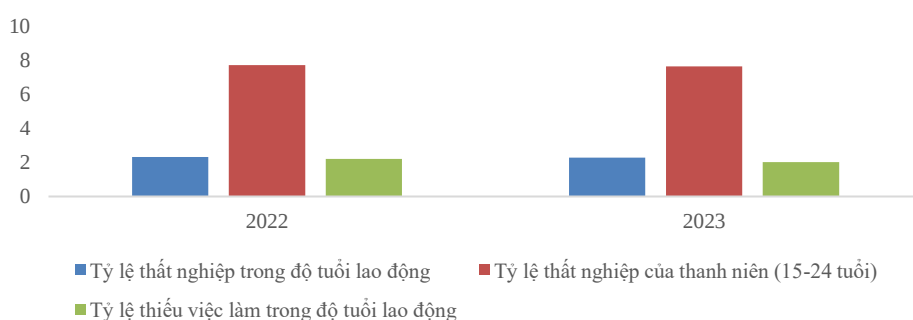
Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực năm 2023 (%)



Nguồn: TCTK

Ngoài ra, trong năm 2023, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm đều giảm so với năm trước. Theo đó, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,28% (trong đó, khu vực thành thị là 2,73%; khu vực nông thôn là 2%); Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên ước tính là 7,63%, trong đó khu vực thành thị là 9,91% và khu vực nông thôn là 6,46%. Bên cạnh đó, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 2,01% (trong đó, khu vực thành thị là 1,61%; khu vực nông thôn là 2,26%).

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động



Nguồn: TCTK

Tính chung năm 2023, thu nhập bình quân của lao động là 7,1 triệu đồng/tháng, tăng 6,9%, tương ứng tăng 459 nghìn đồng so với năm trước. Trong đó, thu nhập bình quân của lao động nam là 8,1 triệu đồng/tháng, lao động nữ là 6,0 triệu đồng; thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị là 8,7 triệu đồng/tháng, khu vực nông thôn là 6,2 triệu đồng/tháng.

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số chính sách quan trọng trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng trong tháng 12

Nghị định số 87/2023/NĐ-CP ngày 08/12/2023 quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam

1. Các tổ chức, cá nhân có tiền giả thực hiện giao nộp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước nơi gần nhất hoặc giao nộp cho cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền của quân đội, hải quan để chuyển về Ngân hàng Nhà nước.
2. Việc giao nộp tiền giả được thể hiện bằng văn bản trong đó ghi rõ loại tiền, số lượng, mệnh giá, vắn seri tiền giả giao nộp. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao nộp tiền giả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
3. Ngân hàng Nhà nước thông tin công khai, rộng rãi về đặc điểm và cách nhận biết tiền Việt Nam trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước hoặc các phương tiện truyền thông phù hợp khác.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam phải đáp ứng một trong 04 điều kiện, tiêu chuẩn sau:
 - Sao, chụp một phần hình ảnh, hoa văn của tiền Việt Nam không vượt quá 1/3 diện tích mặt trước hoặc mặt sau tờ tiền;
 - Sao, chụp hình ảnh một mặt đồng tiền Việt Nam với kích thước chiều dài và chiều rộng đối với tiền giấy, đường kính đối với tiền kim loại nhỏ hơn 75% hoặc lớn hơn 150% kích thước của tiền thật cùng mệnh giá;
 - Sao, chụp hình ảnh hai mặt đồng tiền Việt Nam với kích thước chiều dài và chiều rộng đối với tiền giấy, đường kính đối với tiền kim loại nhỏ hơn 50% hoặc lớn hơn 200% kích thước của tiền thật cùng mệnh giá;
 - Sao, chụp hình ảnh thành bản điện tử để đưa lên không gian mạng có độ phân giải tối đa không vượt quá 72dpi với kích thước tương đương tiền thật cùng mệnh giá.

Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030

1. Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là hoàn thành việc phân bổ cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong năm 2025; đồng thời:
 - Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 100% GDP vào năm 2025 và đạt 120% GDP vào năm 2030;
 - Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán đạt 9 triệu tài khoản vào năm 2025 và 11 triệu tài khoản vào năm 2030;
 - Nâng cao chất lượng quản trị công ty niêm yết trên mức bình quân khu vực Đông Nam Á;
 - Phấn đấu đến 2025 nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo tiêu chuẩn phân hạng thị trường chứng khoán của các tổ chức quốc tế;
 - Tích cực hội nhập thị trường tài chính; hướng tới đạt trình độ phát triển của nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN vào 2025.
2. Các giải pháp thực hiện Chiến lược bao gồm:
 - Hoàn thiện khung pháp lý;
 - Tăng cường năng lực quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý;
 - Tăng cung hàng hóa cho thị trường và cải thiện chất lượng nguồn cung;

- Giải pháp phát triển và đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư, cải thiện chất lượng cầu đầu tư;
- Phát triển, tăng cường năng lực hệ thống các tổ chức trung gian thị trường và phát huy vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp chứng khoán;...

Thông tư số 15/2023/TT-NHNN ngày 05/12/2023 quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức tín dụng cung cấp cho CIC toàn bộ Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ, bao gồm các nhóm chỉ tiêu sau:

- Thông tin định danh về khách hàng vay;
- Thông tin về người có liên quan của khách hàng vay (đang được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng cấp tín dụng cho khách hàng vay);
- Thông tin về cho vay và các hoạt động cấp tín dụng khác;
- Thông tin về thẻ tín dụng;
- Thông tin mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm tổ chức tín dụng);
- Thông tin về biện pháp bảo đảm cấp tín dụng;
- Thông tin về hoạt động xử lý nợ xấu nội bảng;
- Thông tin ngoại bảng;
- Báo cáo tài chính năm (theo báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan Thuế hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán) của khách hàng vay là doanh nghiệp.

2. Việc cung cấp thông tin tín dụng được thực hiện dưới dạng các tệp dữ liệu điện tử theo Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng. Trường hợp một số nhóm hoặc toàn bộ các nhóm chỉ tiêu thông tin tín dụng không thể cung cấp được dưới dạng các tệp dữ liệu điện tử, tổ chức tín dụng, tổ chức tự nguyện có thể cung cấp bằng văn bản trên cơ sở thống nhất với CIC.

Thông tư số 16/2023/TT-NHNN ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước

. Thay đổi nội dung chứng thư số. Cụ thể, nội dung “Thuật toán mật mã” thay thế “Tên tổ chức quản lý thuê bao”.

2. Thuê bao không được sử dụng các công cụ, chương trình, phần mềm hay bất cứ hình thức nào khác để can thiệp, chỉnh sửa, thay đổi thông tin khóa bí mật, các dữ liệu trong thiết bị lưu khóa bí mật hoặc cố ý làm hư hỏng thiết bị lưu khóa bí mật.

3. Bổ sung 01 phương thức gửi hồ sơ, văn bản, báo cáo liên quan đến chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) đó là:

- Văn bản điện tử gửi qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ngân hàng Nhà nước (áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước).

4. Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số hợp lệ xuống còn 03 ngày (thay vì 05 ngày như quy định cũ). Cục Công nghệ thông tin thực hiện cấp chứng thư số hoặc bổ sung nghiệp vụ chứng thư số cho thuê bao, gửi thông báo cấp chứng thư số và mã kích hoạt chứng thư số đến địa chỉ thư điện tử và tin nhắn đến số điện thoại di động của thuê bao.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Thông tư số 19/2023/TT-NHNN ngày 28/12/2023 quy định về giám sát tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Hội đồng giám sát do Thống đốc quyết định thành lập theo đề nghị của Vụ Tổ chức cán bộ. Hội đồng giám sát tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông được tổ chức thành Cụm giám sát tiêu hủy phía Bắc và Cụm giám sát tiêu hủy phía Nam; Hội đồng giám sát tiêu hủy tiền in, đúc hỏng được tổ chức theo cơ sở in, đúc tiền.

2. Giám sát kiểm đếm tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông như sau:

- Giám sát việc giao, nhận tiền hàng ngày tại Tổ kiểm đếm tiền tiêu hủy theo quy định;
- Giám sát thực hiện kiểm đếm tiền tiêu hủy. Giám sát và xác nhận đối với các trường hợp thừa, thiếu, lẫn loại, tiền giả, tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông được phát hiện trong khâu kiểm đếm tiền;
- Cuối ngày, Tổ trưởng (hoặc Tổ phó) Tổ giám sát kiểm đếm xác nhận kết quả kiểm đếm thực tế trên biên bản do Hội đồng tiêu hủy lập;
- Trong quá trình giám sát, công chức giám sát được quyền yêu cầu kiểm đếm lại đối với tiền đã kiểm đếm trong ngày để đảm bảo tính chính xác của các bó tiền đã được kiểm đếm;
- Đối với những loại tiền tiêu hủy không thực hiện kiểm đếm 100%, kết quả kiểm đếm phát hiện thừa, thiếu, lẫn loại hoặc có tổng số lượng tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông trên tổng số lượng tiền đã kiểm đếm vào cuối mỗi đợt tiêu hủy.

3. Giám sát, đối chiếu số liệu tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông với Hội đồng tiêu hủy, đảm bảo sự chính xác, khớp đúng giữa số liệu theo dõi trên sổ sách, báo cáo và số liệu tiêu hủy thực tế.

Thông tư số 20/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 quy định danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thời hạn mà người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tín dụng sau khi thôi chức vụ

Theo đó, danh mục 07 lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm có:

- Cấp, cấp lại, thay đổi nội dung và thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng cho các tổ chức hoạt động thông tin tín dụng; thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức hoạt động thông tin tín dụng;
- Cấp phép hoặc đình chỉ hoạt động thanh toán của tổ chức tín dụng và tổ chức khác; cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của các tổ chức không phải là ngân hàng; thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động thanh toán;
- Cấp, thu hồi văn bản chấp thuận kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối cho tổ chức tín dụng và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động ngoại hối;...
- Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, giấy phép đối với các hoạt động kinh doanh vàng; thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh vàng;...

Thông tư số 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Việc giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng tài sản bảo đảm chỉ áp dụng đối với các tài sản bảo đảm sau đây:

- Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;
- Vàng (vàng tiêu chuẩn, vàng vật chất, vàng trang sức với giá trị được chuyển đổi giá trị sang vàng 99.99);

- Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các ngân hàng chính sách phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- Chứng khoán nợ do chính phủ các nước, tổ chức công lập của chính phủ các nước phát hành được doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập xếp hạng từ BB- trở lên;
- Chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành được doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập xếp hạng từ BBB- trở lên;
- Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

2. Để xác định vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có quy định bằng văn bản về các điều kiện, tiêu chí xác định các khoản mục thuộc phạm vi sổ kinh doanh để tính các trạng thái rủi ro trên sổ kinh doanh, đảm bảo tách biệt với sổ ngân hàng. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

- Phân biệt các giao dịch trên sổ kinh doanh và sổ ngân hàng. Dữ liệu về giao dịch phải được ghi nhận chính xác, đầy đủ và kịp thời vào hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý rủi ro và hệ thống sổ sách kế toán của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Xác định được bộ phận kinh doanh trực tiếp thực hiện giao dịch;
- Giao dịch trên sổ kinh doanh và sổ ngân hàng phải được phản ánh trên hệ thống sổ sách kế toán và phải được đối chiếu với số liệu ghi nhận của bộ phận kinh doanh (nhật ký giao dịch hoặc hình thức ghi nhận khác);
- Bộ phận kiểm toán nội bộ phải thường xuyên rà soát, đánh giá các khoản mục trên sổ kinh doanh và sổ ngân hàng.

Quyết định số 2303/QĐ-NHNN ngày 11/12/2023 về mức lãi suất của các NHTM áp dụng trong năm 2024 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013, Thông tư số 32/2014/TT-NHNN ngày 18/11/2014 và Thông tư số 25/2016/TT-NHNN ngày 29/7/2016

Theo đó, mức lãi suất của các NHTM áp dụng trong năm 2024 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013, Thông tư số 32/2014/TT-NHNN ngày 18/11/2014 và Thông tư số 25/2016/TT-NHNN ngày 29/7/2016 là 4,8%/năm.

Quyết định số 2345/QĐ-NHNN ngày 18/12/2023 về triển khai các giải pháp an toàn, bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng

1. Phải xác thực đối với khách hàng cá nhân, trước khi thực hiện giao dịch lần đầu bằng ứng dụng Mobile Banking hoặc trước khi thực hiện giao dịch trên thiết bị khác với thiết bị thực hiện giao dịch Mobile Banking lần gần nhất:

- Bằng dấu hiệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng: (i) khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong chip của thẻ CCCD của khách hàng do cơ quan Công an cấp; (ii) hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của khách hàng trong do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập;
- Hoặc bằng dấu hiệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong CSDL sinh trắc học về khách hàng đã thu thập và kiểm tra, kết hợp với phương thức xác thực OTP gửi qua SMS/Voice hoặc Soft OTP/Token OTP.

2. Lưu trữ thông tin về thiết bị thực hiện các giao dịch trực tuyến của khách hàng và nhật ký (log) xác thực giao dịch tối thiểu trong vòng 3 tháng. Thông tin về thiết bị tối thiểu bao gồm:

- Đối với thiết bị di động: Thông tin định danh duy nhất của thiết bị (như số IMEI, Serial, WLAN MAC, Android ID,...).

- Đối với máy tính: địa chỉ MAC hoặc thông tin định danh thiết bị khác thông qua các API (Application Programming Interface) của hệ điều hành.
3. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ phải triển khai các giải pháp giảm thiểu rủi ro như sau:
- Thông báo giao dịch qua tin nhắn SMS hoặc thư điện tử.
 - Thiết lập hạn mức giao dịch trong ngày.
 - Thiết lập tính năng cho phép/ không cho phép thanh toán trực tuyến.
 - Thiết lập hạn mức thanh toán thẻ trực tuyến trong ngày.
 - Thiết lập tính năng cho phép/ không cho phép thanh toán ở nước ngoài (ngoại trừ các giao dịch trực tuyến).
 - Triển khai giải pháp xác thực 3D Secure (hoặc tương đương) cho việc thanh toán trực tuyến với thẻ quốc tế.

NHNN đã điều chỉnh giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế

Trên cơ sở theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, đặc biệt khi lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, dự báo áp lực lạm phát không lớn, NHNN đã điều chỉnh giảm 04 lần lãi suất điều hành trong năm 2023 với tổng mức giảm giao động từ 0,5 – 2 điểm phần trăm trong khi mặt bằng lãi suất thế giới vẫn cao. Quyết định giảm lãi suất điều hành nhằm định hướng giảm mặt bằng lãi suất trong nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Trên cơ sở đó, các mức lãi suất điều hành đã được điều chỉnh giảm, cụ thể: i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm. (ii) Lãi suất tối đa tiền gửi bằng VND tại các TCTD: đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1%/năm xuống 0,5%/năm, kỳ hạn 1 tháng - dưới 6 tháng giảm từ 6%/năm xuống 4,75%/năm. (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND giảm từ 5,5%/năm xuống 4%/năm.

Lãi suất huy động có diễn biến giảm mạnh so với cuối năm 2022

Trong năm 2023, lãi suất huy động đã có xu hướng giảm ngay từ đầu năm và diễn ra mạnh hơn trong nửa cuối của năm ngay sau khi NHNN điều chỉnh giảm lãi suất điều hành. Theo đó, so với cuối năm ngoái lãi suất huy động bình quân của các kỳ hạn trong toàn hệ thống các NHTM đã giảm giao động từ 2 – 4 điểm phần trăm.

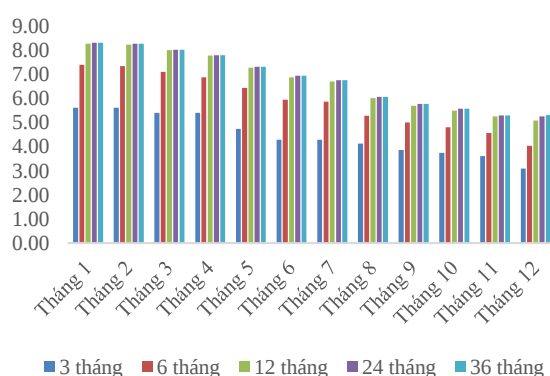
Năm 2023, trong khối các NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, theo dữ liệu tổng hợp, lãi suất huy động bình quân các kỳ hạn đã giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn. Theo đó, trong khối NHTM lớn, lãi suất huy động bình quân đã giảm giao động từ 2,1 – 3,6 điểm phần trăm, giảm mạnh ở kỳ hạn huy động 3 tháng và 12 tháng. Tính đến cuối năm, Vietcombank là ngân hàng có mức điều chỉnh giảm mạnh nhất, đồng thời, hiện đang có mặt bằng lãi suất thấp nhất trong số 04 ngân hàng lớn. Trong khi đó, mức điều chỉnh giảm lãi suất trong nhóm các NHTM TNHH MTV đã lớn hơn gấp đôi so với cuối năm 2022 ở các kỳ hạn huy động từ 12 tháng trở lên, mức giảm chung của các kỳ hạn giao động từ 2,1 – 5,5 điểm

phần trăm.

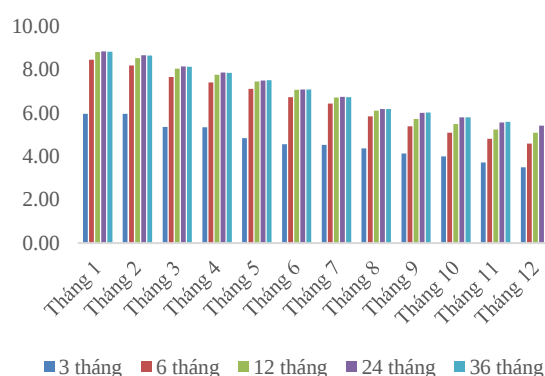
Bên cạnh đó, trong khối các NHTM CP cũng có xu hướng giảm ngay từ đầu năm, giảm mạnh liên tục kể từ tháng 5 với mức giảm giao động của các kỳ hạn huy động trong khoảng từ 3,8 – 5,3 điểm phần trăm so với cuối năm 2022, tập trung giảm sâu ở kỳ hạn huy động 3 tháng, 6 tháng.

Tính đến ngày giao dịch cuối cùng của năm 2023, theo số liệu tổng hợp, lãi suất huy động trong toàn hệ thống niêm yết giao động trong khoảng 2,2% – 4,25%/năm đối với kỳ hạn 3 tháng; 3,5% – 5,25%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng; 5% – 6,3%/năm đối với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM có vốn sở hữu Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: Tổng hợp

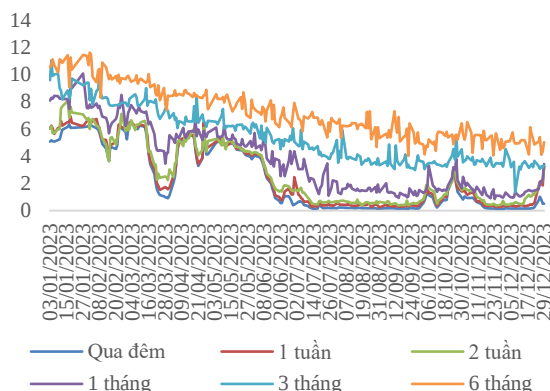
Bên cạnh đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên giảm 1,5 điểm phần trăm so với cuối năm ngoái. Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng cũng giảm mạnh so với cuối năm 2022

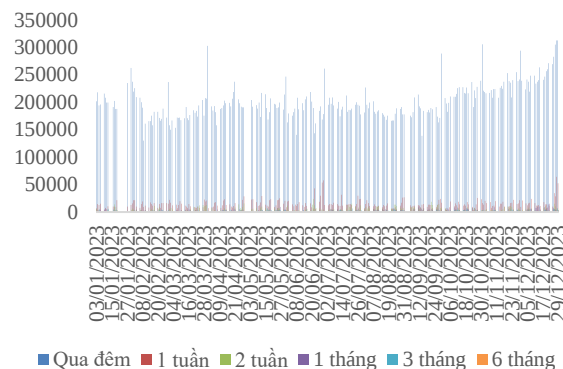
Trong năm 2023, lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh so với cuối năm ngoái, ghi nhận xu hướng giảm gần như liên tục trong 03 quý đầu năm trước khi xuất hiện diễn biến tăng nhiều hơn trong quý IV. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) có mức giảm mạnh, giao động từ 2,75 – 4,53 điểm phần trăm trong tháng 3 và tháng 6. Đến cuối năm 2023, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn đã có mức giảm giao động từ 1,37 – 6,16 điểm phần trăm so với cuối năm 2022. Trong đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 3 tháng và qua đêm có mức giảm mạnh nhất trong năm. Mặc dù có xu hướng giảm là chủ yếu nhưng lãi suất liên ngân hàng ở hầu hết các kỳ hạn cũng ghi nhận 05 tháng tăng với mức tăng giao động từ 0,18 – 3 điểm phần trăm.

Tính đến cuối tháng 12, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) giao dịch lần lượt là 0,51%/năm; 3,23%/năm và 3,27%/năm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 1 tháng là 3,42%/năm và lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ 3 tháng trở lên giao động ở mức 3,33%/năm – 5,9%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng (%)



Doanh số giao dịch liên ngân hàng (tỷ đồng)



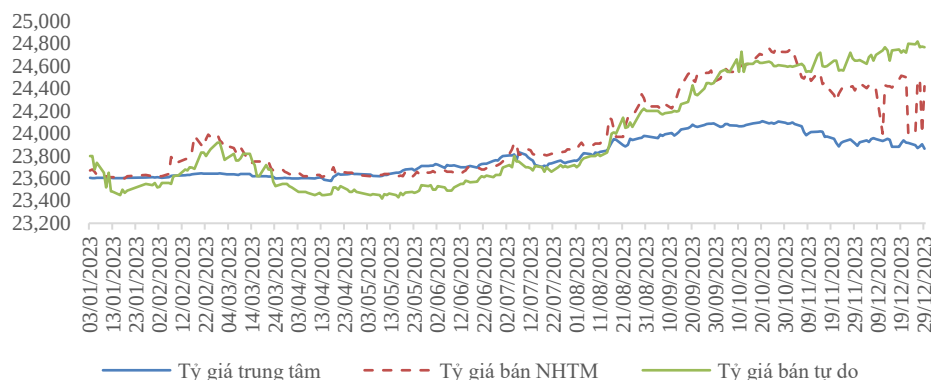
Nguồn: NHNN

Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng so với cuối năm ngoái

Kết thúc năm 2023, tỷ giá USD/VND trong nền kinh tế duy trì xu hướng tăng 2 năm liên tiếp, tỷ giá đã tăng tập trung vào thời điểm đồng USD tăng giá mạnh trên thị trường giao dịch quốc tế. Theo đó, tỷ giá trung tâm đã tăng khoảng 1,08% tương đương với 254 đồng, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng gần như liên tục kể từ tháng 4 cho đến hết quý III, ghi nhận mức điều chỉnh tăng cao nhất theo tháng là 0,92%. Kết thúc năm, tỷ giá trung tâm niêm yết ở mức 23.866 USD/VND. Bên cạnh đó, tỷ giá mua - bán tham khảo trên Sở giao dịch của NHNN có diễn biến trái chiều, đảm bảo sự ổn định của thị trường. Cụ thể tỷ giá mua được điều chỉnh 01 lần duy nhất trong năm, giảm 0,21% vào tháng 5 trong khi tỷ giá bán sau khi đi ngang trong quý I đã có mức biến động cùng xu hướng với tỷ giá trung tâm qua các tháng, tăng khoảng 0,93% so với cuối năm 2022. Tính đến cuối tháng 12/2023, tỷ giá mua và bán tham khảo trên Sở giao dịch của NHNN ở mức 23.400 – 25.009 USD/VND (mua vào - bán ra).

Trên thị trường, tỷ giá giao dịch tại các NHTM và thị trường tự do đều có xu hướng tăng, kéo dài gần như liên tục từ quý II đến hết quý III và có diễn biến giảm trong quý IV khi đồng USD giảm giá trên thị trường giao dịch quốc tế. Kết thúc năm 2023, tỷ giá giao dịch của các NHTM về cơ bản tăng khoảng 3%, thấp hơn khoảng 0,5 điểm phần trăm so với mức tăng của năm 2022. Trong đó, tỷ giá mua – bán tại Vietcombank đã tăng lần lượt là 2,86% và 2,91%. Và tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do theo số liệu khảo sát đã tăng mạnh hơn 4% ở cả 02 chiều mua – bán. Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát cuối năm ở mức 24.720 – 24.770 USD/VND (mua vào – bán ra); Tỷ giá giao dịch của Vietcombank là 24.080 – 24.420 USD/VND (mua vào – bán ra). Chênh lệch tỷ giá bán trên 2 thị trường khoảng 350 đồng.

Diễn biến cặp tỷ giá VND/USD

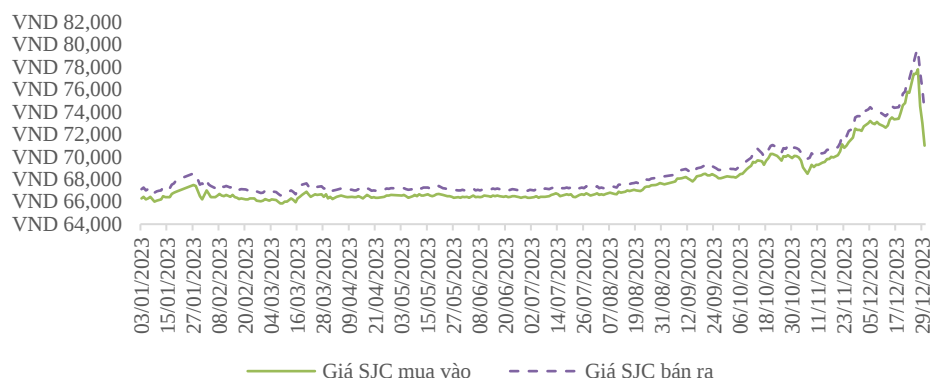


Nguồn: NHNN

Giá vàng tiếp tục tăng năm thứ hai liên tiếp

Năm 2023, giá vàng trong nước tiếp tục duy trì được xu hướng tăng của năm ngoái, theo số liệu khảo sát, giá vàng SJC giao dịch trong nước tăng khoảng 7,6% ở chiều mua vào và hơn 10% ở chiều bán ra – cùng xu hướng với diễn biến tăng tốt của giá vàng quốc tế. Yếu tố tác động chính đến đà tăng của giá vàng trong nước là xu hướng của giá vàng thế giới trong bối cảnh rủi ro bất ổn địa chính trị giá tăng, các động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế thế giới còn yếu. Trong năm, giá vàng đã duy trì đà tăng liên tục kể từ tháng 7, giá vàng đã thiết lập nhiều mức giá cao kỷ lục, đặc biệt trong 02 tháng cuối năm khi đồng USD giảm giá trên thị trường và định hướng điều hành CSTT của Fed và NHTW các nước lớn ở khu vực Châu Âu trở nên ôn hòa hơn. Giá vàng đã xác lập mức giá giao dịch cao trên 70 triệu đồng/lượng từ giữa tháng 10, tiếp tục tăng tiệm cận mức giá 80 triệu đồng/lượng trong những ngày giao dịch cuối tháng 12. Bên cạnh đó, chênh lệch giá mua vào – bán ra thường khá lớn trong những tháng có biến động tăng mạnh của giá vàng quốc tế, thậm chí chênh lệch đã đạt ngưỡng cao khoảng 3 triệu đồng trong tháng 12. Tính đến cuối năm, giá vàng SJC giao dịch trong nền kinh tế vào thời điểm khảo sát là 71 – 74,02 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra). Chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế khoảng 15 triệu đồng/lượng.

Diễn biến giá vàng trong nước



Nguồn: sjc.com.vn

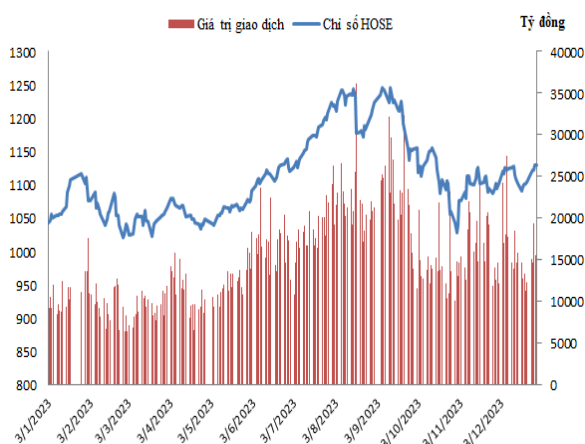
Thị trường chứng khoán Việt

Năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam là một trong số ít các thị trường chứng khoán tại khu vực Đông Nam Á đã tăng điểm. Kết thúc phiên

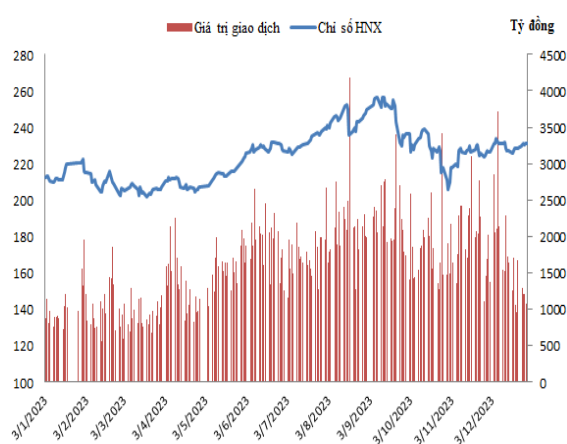
Nam đã tăng điểm dù có nhiều biến động

giao dịch cuối cùng của năm, chỉ số VN-Index đạt mức 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022; chỉ số HNX-Index đạt 231,04 điểm, tăng 12,53% và chỉ số UPCOM-Index đạt 87,04 điểm, tăng 21,48%. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán, thép, xây dựng, hóa chất và công nghệ thông tin có hiệu suất vượt trội. Xét từng cổ phiếu riêng lẻ, tăng mạnh nhất trên sàn HOSE là các mã VIX, BSI, CTD, FTS... và trên sàn HNX là các mã VE4, LDP, CMS, TSB, BGI,...

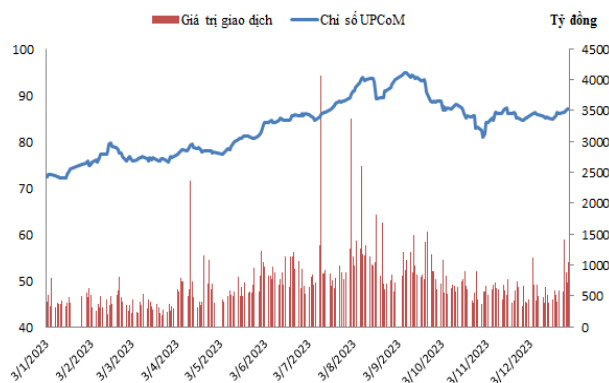
Diễn biến chỉ số HOSE năm 2023



Diễn biến chỉ số HNX năm 2023

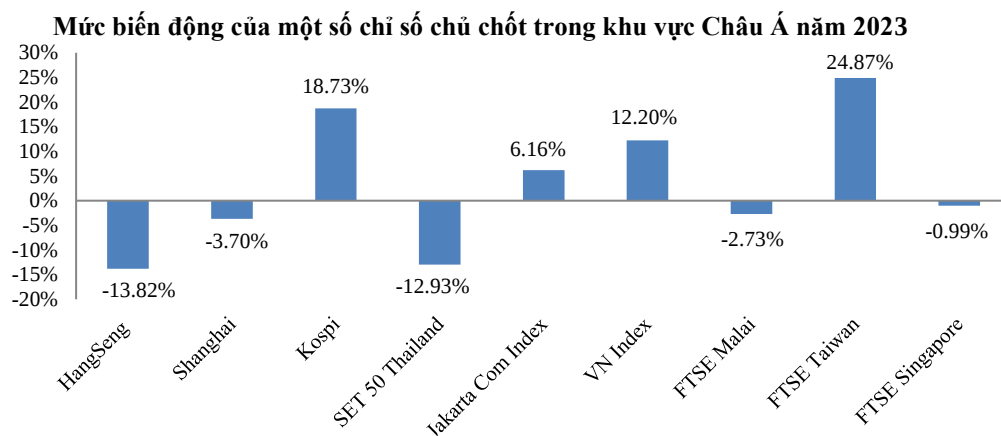


Diễn biến chỉ số UPCOM năm 2023



Nguồn: stockbiz.com

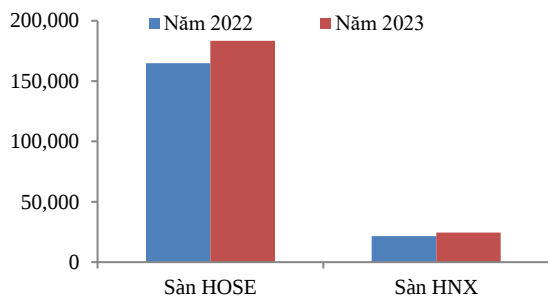
Trong năm, thị trường đã có nhiều biến động, cụ thể sau sự khởi đầu tích cực thị trường đã có diễn biến giảm vào tháng 3, diễn biến tăng xuất hiện trở lại vào cuối quý II, duy trì đà tăng cho đến hơn 10 ngày giao dịch đầu tháng 9. Tiếp đến trong nửa cuối tháng 9 đến hết tháng 10/2023, trước áp lực trong nước và quốc tế, chỉ số VN-Index đã rơi vào trạng thái điều chỉnh giảm khá mạnh, gần như san bằng mức tăng điểm trong những tháng trước. Tuy nhiên, thị trường đã kịp phục hồi trở lại trong 02 tháng cuối năm. Kết thúc năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam trở thành thị trường có hiệu suất cao thứ 3 trong khu vực, sau Hàn Quốc và Đài Loan.



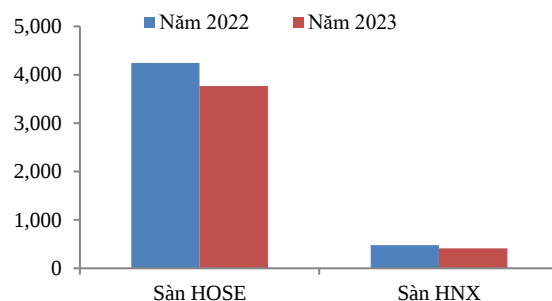
Nguồn: Bloomberg

Thanh khoản thị trường năm 2023 tăng về khối lượng giao dịch nhưng giảm về giá trị giao dịch so với năm 2022, dòng tiền chủ yếu xuất phát từ nhà đầu tư cá nhân trong nước. Tính chung trên cả 2 sàn giao dịch chính thức, tổng khối lượng giao dịch đạt 207,88 triệu cổ phiếu, tăng 11,41% và tổng giá trị giao dịch đạt 4.175,3 nghìn tỷ đồng, giảm 11,54% so với năm 2022. Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch đạt 183,4 triệu cổ phiếu, tăng 11,24% và giá trị giao dịch đạt 3.763,74 nghìn tỷ đồng, giảm 11,32%. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch đạt 24,48 triệu cổ phiếu, tăng 12,72% và giá trị giao dịch đạt 411,56 nghìn tỷ đồng, giảm 13,58% so với năm 2022.

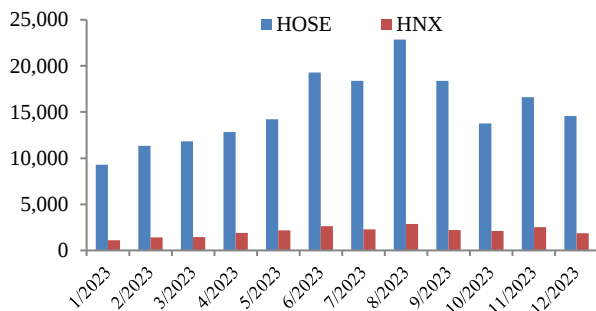
Khối lượng giao dịch năm 2022 - 2023



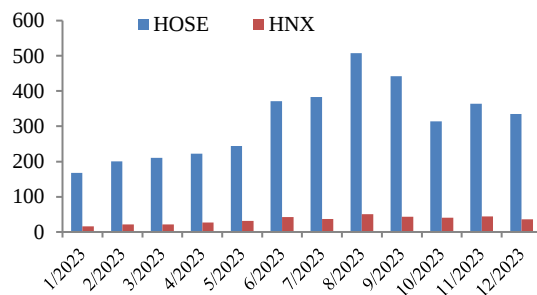
Giá trị giao dịch năm 2022 - 2023



Khối lượng giao dịch năm 2023



Giá trị giao dịch năm 2023

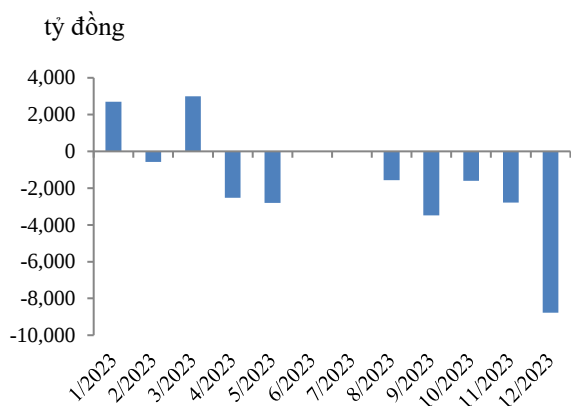


Nguồn: stockbiz.com

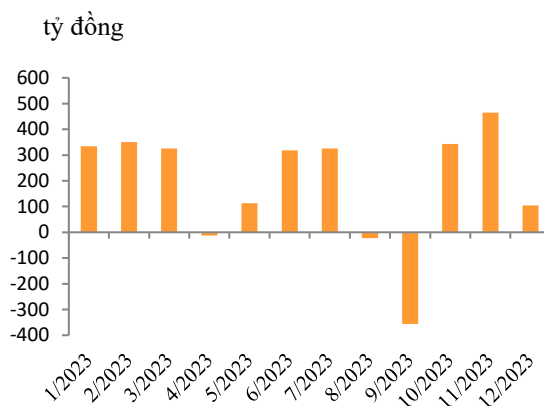
Trong năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài đã có 10 tháng bán ròng trên sàn HOSE, diễn ra liên tục kể từ tháng 4, bán mạnh trong tháng 12. Trong khi đó, trên sàn HNX, khối ngoại duy trì xu hướng mua ròng trong 9 tháng. Nhóm ngành mà nhà đầu tư nước ngoài bán mạnh nhất trên sàn HOSE

gồm ngân hàng, thực phẩm và đồ uống, bất động sản, dịch vụ tài chính và bán lẻ. Ở từng cổ phiếu riêng lẻ, áp lực bán của khối ngoại tập trung vào các mã có vốn hóa lớn, nhiều nhất là EIB, VPB, MWG, VHM, VNM...

Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE năm 2023



Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX năm 2023



Nguồn: stockbiz.com

Tại thời điểm cuối năm 2023, giá trị vốn hóa niêm yết trên sàn HOSE đạt 4,56 triệu tỷ đồng, tăng 13,6% so với cuối năm 2022, và tương đương 47,9% GDP năm 2022.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024

Kinh tế Việt Nam đã khép lại năm 2023 với nhiều kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng ảm đạm, còn nhiều khó khăn thách thức. Năm 2023, trước những khó khăn chung, nhất là căng thẳng chính trị leo thang, tổng cầu suy yếu trên diện rộng, lạm phát còn cao, giá cả hàng hóa chưa ổn định,... tại Việt Nam các động lực kinh tế chủ chốt như xuất khẩu, đầu tư, công nghiệp, tiêu dùng, vẫn có được sự bứt phá so với cuối năm 2022, trong đó, nhiều chỉ tiêu đã có được tốc độ tăng trưởng trở lại. Đồng thời, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức khá thấp, đầu tư công được đẩy mạnh, các cân đối lớn trong nền kinh tế được đảm bảo, mặt bằng lãi suất giảm, tỷ giá về cơ bản khá ổn định, nhiều chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân được ban hành,... đã hỗ trợ tích cực cho sự phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch Covid – 19. Nhờ đó, tăng trưởng kinh tế cả năm đã đạt 5,05%, mặc dù thấp hơn mục tiêu đặt ra nhưng đã phản ánh được nỗ lực lớn của toàn bộ nền kinh tế, giúp Việt Nam trở thành một trong những điểm sáng kinh tế của khu vực và thế giới năm 2023.

Bước sang năm 2024, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ có cả những thuận lợi và thách thức đan xen. Trong đó, đáng chú ý là những diễn biến khó lường và khả năng suy yếu của kinh tế thế giới, những biến động của giá cả hàng hóa toàn cầu trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị gia tăng, rủi ro tiền tệ - ngân hàng,... Mặc dù vậy, các chuyên gia và tổ chức quốc tế vẫn có cái nhìn rất lạc quan đối với kinh tế Việt Nam, các dự báo gần đây

khá sát với mục tiêu tăng trưởng mà Chính phủ đặt ra cho năm 2024 giao động từ 6% – 6,5%. Kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục phục hồi mạnh mẽ nhờ sự bứt phá hơn nữa của các động lực tăng trưởng truyền thống cộng hưởng với các động lực kinh tế mới, các mô hình kinh tế mới phát huy hiệu quả.

Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam của một số tổ chức quốc tế

